



TỔNG CÔNG TY LẬP MÁY VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 (LILAMA 45.3, JSC)  
Địa chỉ: Lô 4k' - Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi.  
Tel: 055.3710320; Fax: 055.3710313.  
Email: [info@lilama45-3.com](mailto:info@lilama45-3.com); Website: [www.lilama45-3.com](http://www.lilama45-3.com)



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



*(Ban hành theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015  
của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*

*Quảng Ngãi, tháng 3/2017*

**TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

-----\*\*\*-----



**LILAMA 45.3**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

**NĂM 2016**

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	
1.	Thông tin khái quát.....	2
2.	Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4.	Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý.....	5
5.	Định hướng phát triển.....	8
6.	Các rủi ro.....	9
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>10</b>
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	10
2.	Tổ chức và nhân sự.....	12
3.	Tình hình thực hiện các dự án đầu tư.....	17
4.	Tình hình tài chính.....	18
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.....	19
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	20
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>21</b>
1.	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD.....	21
2.	Tình hình tài chính.....	22
3.	Những cải tiến về cơ cấu, tổ chức, chính sách quản lý.....	24
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	25
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>27</b>
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	27
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	28
3.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	29
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>29</b>
1.	Thành viên Hội đồng quản trị.....	29
2.	Ban kiểm soát.....	36
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	39
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>40</b>
1.	Ý kiến của kiểm toán.....	40
2.	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán gồm 26 trang đính kèm	41

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

TÊN CÔNG TY	: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	4400135344
Vốn điều lệ	: 35.000.000.000đồng
Địa chỉ	: Lô4K, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Quảng Ngãi.
Số điện thoại	: 055.3710 321
Số FAX	: 055.3710 313
Website	: www.Lilama45- 3.com
Mã cổ phiếu	: L43

#### • Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3 (Doanh nghiệp Nhà nước) thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 010A/BXD ngày 27/01/1993 của Bộ xây dựng.
- Theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 04/01/2005 của Bộ xây dựng về việc thực hiện sắp xếp đổi mới phát triển các Tổng công ty nhà nước và Doanh nghiệp Nhà nước độc lập thuộc Bộ xây dựng năm 2005 và Công văn số 80/TCT-HĐQT ngày 14/03/2005 của Tổng Công ty Lắp máy Việt nam gửi các công ty thành viên về việc thực hiện cổ phần hoá các Công ty thành viên năm 2005. Công ty lắp máy và Xây dựng 45.3 đã tiến hành xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần và đã được Bộ xây dựng phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại Quyết định số 1810/QĐ-BXD ngày 21/09/2005 với giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2005 là 4.565.889.766 đồng.
- Ngày 11/11/2005 Bộ xây dựng có Quyết định số 2112/QĐ-BXD về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Lắp máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam với số vốn điều lệ 6.815.000.000đồng (Vốn nhà nước chiếm 51%)
- Ngày 24/03/2006 Công ty Cổ phần Lilama 45.3 chính thức được thành lập theo Quyết định số 497/QĐ-BXD của Bộ trưởng BXD với số vốn điều lệ là: 6.815.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 3.476.000.000 đồng (Chiếm 51%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 3.339.000.000 đồng (Chiếm 49%). Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 15 tháng 05 năm 2006 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 340300084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.
- Ngày 22/03/2007 Bộ xây dựng có Quyết định số 454/QĐ-BXD về giá trị vốn nhà nước tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2006 để bàn giao doanh nghiệp nhà nước: Công ty Lắp

máy và xây dựng 45-3 thuộc Tổng công ty Lắp máy Việt Nam sang Công ty cổ phần Lilama 45.3.

- Theo Báo cáo kiểm toán về báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC), đến ngày 01/07/2007 vốn điều lệ của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã tăng lên 35.000.000.000 đồng (Trong đó vốn nhà nước chiếm 51%) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất do sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29 tháng 05 năm 2007.
- Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ hai ngày 27 tháng 12 năm 2007, thay đổi giấy phép lần thứ ba vào ngày 20 tháng 03 năm 2008, và thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ tư vào ngày 06 tháng 08 năm 2009 để thay đổi người đại diện pháp luật tại doanh nghiệp.
- Ngày 08/04/2008 Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 128/QĐ - TTGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3. Ngày 11/06/2008 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lilama 45.3 (L43) chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trong năm 2016, Công ty đã giải thể chi nhánh công ty tại Hà Nội.
- Thực hiện tái cấu trúc sở hữu theo đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty giai đoạn 2012-2015, từ 2016 đến 2020, đến thời điểm hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là: 35.000.000.000 tỷ đồng, trong đó: vốn nhà nước chiếm 40,83% (tương đương 1.429.000 CP), các cổ đông khác chiếm 59,17% (tương đương 2.071.000 CP).

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

### + Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp (xi măng, thủy điện, nhiệt điện, dầu khí, các công trình công nghiệp khác, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp), đường dây tải điện, trạm biến thế; Thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất; Lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình; Sản xuất kinh doanh vật tư, đất đèn, que hàn, ô xy, phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng; Gia công, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa thiết bị nâng và thiết bị chịu áp lực (bình, bể, đường ống chịu áp lực), thiết bị cơ, thiết bị điện, kết cấu thép phi tiêu chuẩn, cung cấp lắp đặt và bảo trì thang máy; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, vật liệu xây dựng, điện máy, hoá chất, phụ tùng, dụng cụ cơ khí, xăng, dầu, mỡ, khí đốt, khí công nghiệp; Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá; Tư vấn khảo sát thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn đầu tư lắp đặt các dây chuyền công nghệ, kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ; Chống ăn mòn bề mặt kim loại; Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp; Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng và hoạt động vui chơi giải trí.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 15/04/2016 thông qua bổ sung mã ngành mới là vận tải hàng hoá bằng đường bộ - mã ngành 4933 và vận tải hành khách đường bộ khác - mã số 4932.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chế tạo, lắp đặt, tư vấn đầu tư các công trình xây dựng công nghiệp.

+ Địa bàn kinh doanh:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Trụ sở/ Chi nhánh</u>	<u>Địa điểm</u>
Trụ sở chính	Lô 4K, Tôn Đức Thắng, Phường Lê Hồng Phong Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh	Nhà máy cơ khí Lilama 45.3 - Số 51 đường Độc lập TP Tuy Hòa – Phú Yên
Chi nhánh	Trung tâm tư vấn thiết kế Lilama 45.3 – Lô4 K Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện Lilama 45.3	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh ĐăkLăk

Chủ yếu các công trình nằm tại Miền trung và Tây Nguyên như: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình (Thái Bình), TĐ Sông Tranh 3 (Quảng Nam), dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy Gang thép Thái Nguyên; Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn Thanh Hóa, TĐ Trung Thu - Điện Biên; TĐ Trung Sơn – Thanh Hóa; TĐ Bàn Ang - Nghệ An; TĐ Bắc Mê – Hà Giang; TĐ ĐăkRe – Kon Tum; TĐ Đăk Pô Cô – Kon Tum; TĐ Cẩm Thủy - Thanh Hoá; dự án mở rộng nhà máy đường KCP Sơn Hòa – Phú Yên vv..

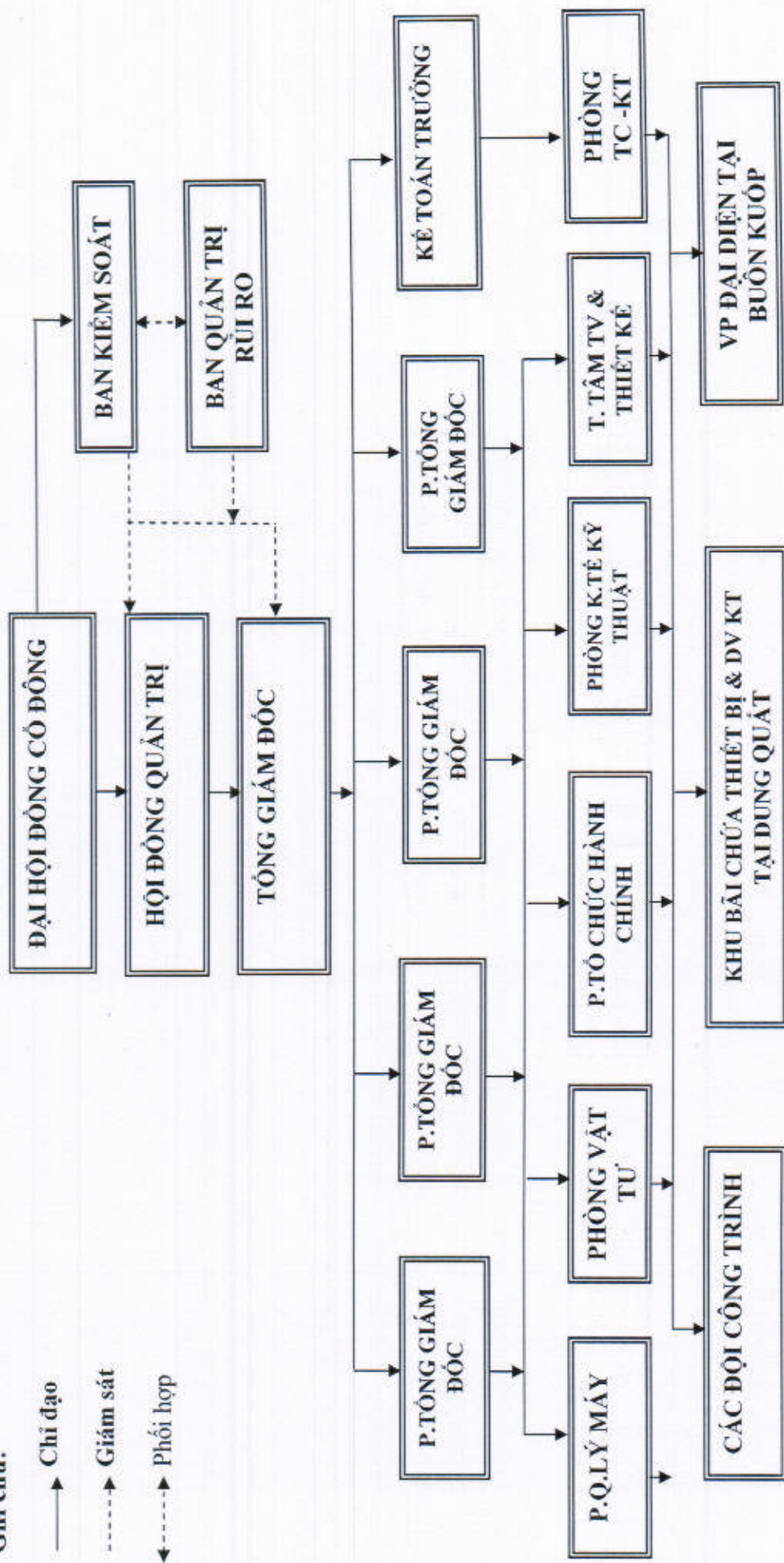
### 3. Thông tin về mô hình quản trị tổ chức, kinh doanh và bộ máy quản lý

Ghi chú:

→ Chỉ đạo

-----> Giám sát

↔-----> Phối hợp



**3.1- Mô hình quản trị:** Công ty Cổ phần Lilama 45.3 thực hiện mô hình quản trị của một Công ty đại chúng niêm yết chứng khoán theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán bao gồm:

- \* Đại hội đồng cổ đông;
- \* Hội đồng quản trị;
- \* Ban kiểm soát
- \* Ban Tổng Giám đốc
- \* Các bộ phận quản lý

**3.2 – Cơ cấu bộ máy quản lý:** Công ty Cổ phần Lilama 45.3 đến ngày 31/12/2016 gồm Ban Tổng Giám đốc; 05 phòng ban; 01 trung tâm tư vấn thiết kế; 01 văn phòng điều hành tại Buôn Kuốp – Đắk Lắk; 01 Nhà máy cơ khí Bình Kiến - Phú Yên; 01 khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất và 11 đội công trình trực thuộc Công ty.

- + Ban Tổng Giám đốc
- + Phòng Tổ chức hành chính
- + Phòng Tài chính kế toán
- + Phòng Vật tư thiết bị
- + Phòng Kinh tế kỹ thuật
- + Phòng Quản lý máy
- + Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất
- + Nhà máy cơ khí chế tạo tại Bình Kiến – Phú Yên
- + 12 đội công trình trực thuộc gồm:

- Đội công trình Nhà máy thủy điện Trung Thu
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Trung Sơn
- Đội công trình Nhà máy nhiệt điện Thái Bình
- Đội công trình Nhà máy gang thép Thái Nguyên
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Đắk PôCô
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Đắk Re
- Đội công trình nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa.
- Đội công trình mở rộng nhà máy đường KCP Sơn Hòa
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Bắc Mê – Hà Giang
- Đội công trình Nhà máy thủy điện Bản Ang – Nghệ An
- Đội công trình Nhà máy đường Đắk Lắk.
- Đội công trình bán cát và làm sạch phun sơn Doosan Dung Quất.

**+ Các Công ty có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: Không có
- Công ty dưới 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, Công ty nắm giữ: Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên nắm giữ 1.429.000 cổ phần chiếm 40,83% vốn điều lệ.

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: Thực hiện thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn, Công ty đã thoái được 05 tỷ đồng trong tháng 07/2016, số còn lại sẽ thoái hết chậm nhất đến ngày 01/07/2017.





- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty có liên quan:

**\* Tổng công ty Lắp máy Việt Nam**

Công ty nắm giữ dưới 51% vốn cổ phần của Công ty CP Lilama 45.3 là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (nay đổi tên thành Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106313 cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính: 124 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Ngành, nghề kinh doanh chính:

- + Sản xuất kinh doanh xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của nhà nước, bao gồm các lĩnh vực thi công lắp đặt thiết bị máy móc
- + Tổng thầu EPC xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường giao dây trạm biến thế điện;
- + Kinh doanh phát triển nhà, tư vấn xây dựng;
- + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng;
- + Xuất nhập khẩu lao động, vật tư thiết bị, công nghệ về lắp máy và xây dựng
- + Đầu tư xây dựng các công trình bao gồm: công nghiệp (thủy điện, nhiệt điện, xi măng, hóa dầu, giấy và thép), dân dụng, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- + Kinh doanh bất động sản, du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và khu vui chơi giải trí, kinh doanh vận tải, hàng hoá, các thiết bị siêu trường, siêu trọng, cho thuê thiết bị thi công và vận tải;
- + Tư vấn xây dựng, tổng thầu toàn bộ hoặc một phần của dự án đầu tư các công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng kỹ thuật như: lập dự án, thiết kế (chi hoạt động trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đã đăng ký) và lập tổng dự toán, tư vấn giám sát, quản lý dự án cung cấp thiết bị công nghệ và điều khiển tự động;
- + Thiết kế, chế tạo thiết bị và gia công kết cấu thép cho các công trình công nghiệp, dân dụng ;
- + Đóng mới và sửa chữa các loại tàu, thuyền , vận tải đường sông và đường biển;
- + Kiểm tra, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống điều khiển tự động, hệ thống nhiệt cho các dây chuyền công nghệ, giám sát, kiểm tra chất lượng các mối hàn và tính chất cơ lý của vật liệu;
- + Đào tạo công nhân kỹ thuật các ngành nghề để phục vụ nhu cầu sản xuất cho Tổng công ty và ngoài xã hội; đào tạo nâng cao và cấp chứng chỉ cho thợ hàn; đào tạo và thực hiện việc đưa người lao động Việt Nam ( trong và ngoài Tổng công ty) đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài;
- + Dịch thuật các tiêu chuẩn và tài liệu chuyên ngành về lĩnh vực chế tạo và lắp đặt thiết bị, các dây chuyền công nghệ mới;
- + Kinh doanh, xuất khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, nguyên phụ liệu sản xuất, tiêu dùng, dây chuyền công nghệ - tự động

hoá, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, làm đại lý tiêu thụ cho các ngành trong và ngoài nước các mặt hàng phục vụ sản xuất và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;

- + Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

#### **4. Định hướng phát triển**

##### **\* Mục tiêu tổng quát:**

Xây dựng Công ty cổ phần Lilama 45.3 là doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh, phát triển ổn định, hướng tới tăng trưởng bền vững trở thành đối tác chuyên nghiệp và đáng tin cậy. Nâng cao sức cạnh tranh, bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu hút và phát triển nguồn lực, đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp để đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu đến năm 2020.

Phát triển theo định hướng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP (LILAMA), trong đó phát triển tập trung chuyên sâu vào nhóm ngành EPC dầu khí (lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác...). Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp thông qua tái cấu trúc để Công ty có thể phát triển bền vững.

##### **\* Mục tiêu cụ thể:**

- Mục tiêu thị trường sản phẩm: Duy trì thị trường truyền thống Gia công, chế tạo cung cấp dịch vụ lắp đặt thiết bị là chủ yếu, tích cực tìm kiếm và chiếm lĩnh các thị trường mới. Luôn cung cấp các sản phẩm có chất lượng ra thị trường, được khách hàng tin nhiệm.

- Mục tiêu tài chính: Lựa chọn thời điểm thích hợp để tăng vốn điều lệ, đảm bảo có lợi nhuận để chi trả cổ tức và tái đầu tư phát triển, quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng trong nước để đảm bảo thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mục tiêu con người: Xây dựng và phát triển lực lượng cán bộ quản lý có trình độ, có tầm nhìn xa, có đạo đức tác phong nghề nghiệp. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân tay nghề cao có thể chế tạo được những thiết bị đạt tiêu chuẩn quốc tế và vận hành tốt các nhà máy công nghiệp theo chế độ tự động hóa cũng như các thiết bị tiên tiến của thế giới.

- Tạo ra mô hình cải cách: làm thay đổi một cách toàn diện về quy mô phù hợp với vai trò của Công ty trong lĩnh vực phát triển có sự phân công chuyên môn ngành nghề, đồng thời cũng cố sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, tăng quy mô về vốn, đầu tư, điều chỉnh cơ chế hoạt động, quản lý, bố trí lại nguồn lực, xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp phù hợp với thực tế của LILAMA 45.3, tận dụng tối ưu các nguồn lực, cải thiện tình hình tài chính, tăng sức mạnh cạnh tranh.

##### ***Chiến lược phát triển trung và dài hạn:***

##### **Sản xuất kinh doanh**

- + Tái cấu trúc mọi nguồn lực phù hợp cho từng giai đoạn phát triển để đạt được mục tiêu đề ra.
- + Phát triển gắn liền với quản trị rủi ro

- *Về ngành nghề:* Trên cơ sở rà soát lại các mục tiêu chiến lược, ngành nghề kinh doanh (có sự định hướng của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam). Công ty Cổ phần Lilama 45.3 xác định sẽ tập trung chuyên sâu vào nhóm ngành EPC ( lọc hóa dầu, giàn khoan dầu khí, công nghệ chế biến, khác) là nhóm ngành kinh doanh chính có tầm quan trọng chiến lược, có tiềm năng tăng trưởng và cạnh tranh.

- *Về thị trường:* Tích cực tìm kiếm thị trường, nghiên cứu thế mạnh của Công ty để xây dựng thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh để nhận thêm nhiều công trình mới, Triệt để thực hiện quan điểm: Không phân biệt dự án lớn hay nhỏ, thuận lợi hay khó khăn, đơn giản hay phức tạp, các dự án đó có nguồn vốn thanh toán tốt làm sao để có đủ công ăn việc làm cho Người lao động, có doanh thu và lợi nhuận đem về cho Công ty.

- *Về Tài chính:* Tuân thủ nghiêm túc các quy định hiện hành của Pháp luật về công tác quản lý tài chính, sử dụng hiệu quả dòng tiền, đa dạng hóa các phương án huy động vốn, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí đầu tư, phối hợp đồng bộ với công tác thi công, nghiệm thu và thu hồi vốn nhằm tăng vòng quay vốn lưu động, giảm vốn vay và chi phí tài chính. Có kế hoạch thoái vốn cụ thể tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn.

+ *Công tác đời sống của CBCNV - NLD:*

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV - NLD, thu nhập bình quân hàng tháng là 7.881.000 đồng/người/tháng.

- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV - NLD.

- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xóa bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

+ Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Đảm bảo chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của môi trường làm việc theo đúng quy định của luật môi trường, đảm bảo sức khỏe cho người lao động cũng như cộng đồng xã hội, có chính sách quan tâm đến những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp xây dựng Nhà tình nghĩa.

## **5. Các rủi ro:**

### **5.1. Rủi ro về pháp luật:**

Là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức cổ phần trở thành công ty đại chúng niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội, mọi hoạt động của Công ty chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật xây dựng, Luật đầu tư, Luật đất đai và các quy định về đất đai môi trường v.vv.... Do vậy trong từng thời kỳ các chính sách của Nhà nước thay đổi sẽ liên quan đến ngành Xây - lắp nói chung cũng như việc triển khai hướng dẫn các thay đổi về chế độ chính

sách của các cơ quan ban, ngành điều chỉnh không kịp thời, đồng bộ cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### 5.2. **Rủi ro đặc thù ngành:**

Do đặc thù ngành Xây - lắp thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần theo giai đoạn, hoạt động lắp thiết bị rất phức tạp điều kiện làm việc ngoài trời với chi phí cao và chịu nhiều rủi ro hình thành từ điều kiện tự nhiên. Bên cạnh đó phải phụ thuộc vào tiến độ cung cấp thiết bị của Chủ đầu tư, việc bàn giao mặt bằng của đơn vị xây dựng làm kéo dài tiến độ của hợp đồng cũng như tăng chi phí đầu vào.

Do điều kiện làm việc ngoài trời việc thi công đều ở trên cao nên nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố lắp đặt. Là ngành đặc thù có nhiều lĩnh vực đòi hỏi độ chính xác cao, có tính chất lưu động và độc hại, nguy hiểm. Để hạn chế các rủi ro trong thi công, Công ty cần phải quan tâm đến vấn đề hướng dẫn về an toàn lao động và trang bị đầy đủ cho công nhân trên các công trường, thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm, các biện pháp an toàn lao động trước khi triển khai thi công. Để hạn chế rủi ro trong quá trình thi công Công ty cần thực hiện mua bảo hiểm cho xe, cầu và con người trên các công trường.

Thời gian quyết toán và thu hồi vốn các công trình xây lắp thường kéo dài, tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm bớt rủi ro trong công tác thu hồi vốn cần đốc thúc khách hàng trong việc thanh toán công nợ, tránh tồn đọng công nợ.

### 5.3. **Rủi ro về thị trường:**

Nước ta ra nhập các tổ chức thương mại quốc tế WTO, TPP sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước, việc mở rộng thị trường sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp nước ngoài cạnh tranh về kỹ thuật, máy móc thiết bị và trình độ tay nghề với các doanh nghiệp trong nước.

### 5.4. **Rủi ro khác:**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn, chiến tranh dịch bệnh...đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như làm chậm tiến độ gây thiệt hại đến các hạng mục công trình đang thi công.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1, Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:

ĐVT: 1000đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % so kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2015
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	508.000	388.249	76,4	116,8
2	Tổng doanh thu	242.463	194.124	80,1	116,8
3	Lợi nhuận trước thuế	4.600	462	10,0	36,4

4	Nộp ngân sách	17.856	4.959	27,8	58,7
5	Đầu tư XDCB	15.300	8.979	58,7	131,1
6	Tổng quỹ lương	70.314	80.847	114,9	117,7
7	Thu nhập BQ (người/tháng)	7,4	7,8	105,4	107,5
8	Dự kiến cổ tức (%)	0	0		

Doanh thu thuần năm 2016 đạt 194,1 tỷ đồng so với doanh thu thuần năm 2015 là 166,1 tỷ đồng tăng 27,9 tỷ đồng, tăng 16,8% so với năm 2015, lợi nhuận trước thuế đạt 0,4 tỷ đồng giảm 0,8 tỷ đồng, đạt 36,4% so với năm 2015, và một số chỉ tiêu khác không đạt so với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016.

### **Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **➤ Thuận lợi**

- Năm 2016 nền kinh tế trong nước vẫn duy trì và kiềm chế được lạm phát, một số ngành kinh tế tiếp tục tăng trưởng, lãi suất cho vay ổn định và giảm nhiều so với các năm trước.

- Là một đơn vị có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực chế tạo kết cấu thép và lắp đặt máy móc thiết bị cho các công trình thủy điện, nhiệt điện và lọc hóa dầu...

- Công ty đã có định hướng tái cơ cấu lại tổ chức và hoạt động thông qua đề án tái cấu trúc và đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

- Được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam trong việc giao thầu một số công trình mới .

- Sự đoàn kết nhất trí cao trong Ban lãnh đạo Công ty kết hợp chặt chẽ của các tổ chức Đoàn thể trong Công ty quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn.

#### **➤ Khó khăn**

##### **+ Địa bàn hoạt động:**

Công ty cổ phần Lilama 45.3 đóng trên địa bàn Miền Trung, điều kiện tiếp xúc với các Chủ đầu tư cũng như các dự án lớn gặp rất nhiều hạn chế, với địa bàn thi công dàn trải từ Bắc vào Nam, từ Miền Trung đến các tỉnh Tây Nguyên dẫn đến việc quản lý gặp nhiều khó khăn, đồng thời làm tăng chi phí về di chuyển CBCNV, máy móc thiết bị thi công và chi phí điều hành thi công.

##### **+ Công tác quản trị điều hành doanh nghiệp:**

Về công tác quản trị Doanh nghiệp chưa đạt kết quả cao, do đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật và CBCNV còn thiếu kinh nghiệm và tay nghề, nên khả năng đáp ứng về yêu cầu công việc còn hạn chế dẫn đến năng suất lao động thấp.

##### **+ Công tác tài chính:**

Trong năm 2016, Công ty cổ phần Lilama 45.3 chưa hoàn thành kế hoạch do nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan. Việc khắc phục tài chính còn nhiều hạn chế, do quy mô vốn quá nhỏ so với sự tăng trưởng của doanh thu, trong khi đó vốn lại thường xuyên bị chiếm dụng, nợ phải thu cao, tồn đọng trong thời gian dài nên hoạt động sản

xuất kinh doanh chủ yếu phụ thuộc vào vốn vay dẫn đến áp lực về tài chính, áp lực về dòng tiền, về trả nợ vay và nộp ngân sách, công tác bù giá dự án Hangar A75 và quyết toán dự án gang thép Thái Nguyên kéo dài chưa được phê duyệt đã dẫn đến tình hình tài chính Công ty ngày càng gặp khó khăn, doanh thu giảm sâu, chi phí tăng cao, dòng tiền suy giảm, thiếu vốn cho công tác triển khai thi công, mặc dù doanh thu thực hiện năm 2016 vẫn tăng trưởng so với năm 2015, tuy nhiên khi thực hiện thi công một số công trình Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc cũng chưa lường hết những yếu tố rủi ro, biến động từ bên ngoài dẫn đến hiệu quả SXKD năm 2016 còn thấp.

**+ Công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm:**

Thị trường việc làm và lao động diễn ra cạnh tranh khốc liệt, tuy nhiên Ban lãnh đạo Công ty quyết tâm tìm kiếm mọi biện pháp và đã ký được một số hợp đồng với giá trị là: 183,6 tỷ đồng.

**+ Công tác nghiệm thu, thanh toán các công trình**

Việc bù giá cho phần phát sinh và quyết toán chậm dẫn đến công tác thanh toán gặp nhiều khó khăn như: Dự án Gang thép Thái Nguyên, dự án Hangar A75... đã làm ảnh hưởng đến việc ghi nhận tăng doanh thu và giảm chi phí SXKD dở dang dẫn đến công tác thu hồi nợ gặp nhiều khó khăn và hiệu quả SXKD năm 2016 còn thấp.

**2. Tổ chức và nhân sự :**

**\* Danh sách Ban điều hành:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1.	Hoàng Việt	TGD	55.000	1,57%	
2.	Huỳnh Lê Hòa	PTGD	25.000	0,71%	
3.	Trần Quang Du	PTGD	27.000	0,77%	
4.	Mạc Thanh Hải	PTGD	17.700	0,51%	
5.	Phạm Văn Thìn	PTGD	35.000	1,00%	
6.	Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng	2.000	0,06%	
7.	Vũ Quang Thế	TP vật tư	10.000	0,29%	
8.	Liên văn Chánh	TP KT-KT	16.000	0,46%	
9.	Lê Ánh Thành	TP TC-HC	2.000	0,06%	
10.	Nguyễn Xuân Tín	TP QLM	5.200	0,15%	
11.	Nguyễn Ngọc Lộ	GD TT TVTK	5.000	0,14%	

## 2.1 Ban Tổng giám đốc.

<b>Ông Hoàng Việt</b>	<b>Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	21/09/1973
Nơi sinh:	Phường Hương Sơn, TP. Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Tây
Địa chỉ thường trú:	Quận Sơn Trà - Thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác	
03/1998 – 09/1999	Kỹ thuật thi công Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
09/1999 – 12/2000	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
01/2001 – 04/2006	Phó Giám đốc Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 07/2009	Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3
08/2009 – T10/2015	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty.
T10/2015 – nay	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3.
<b>Ông Trần Quang Du</b>	<b>Phó Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	05/08/1970
Nơi sinh:	Bệnh viện thị xã Tuyên Quang.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Yên Sơn - Thị xã Tuyên Quang.
Địa chỉ thường trú:	15/40 đường Bà Triệu, phường Lê Hồng Phong, thành Phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác	
1997 – 1998	Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng số 7

1998 – T09/2009	Đội trưởng các công trình thuộc Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2009 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Huỳnh Lê Hoà</b>	<b>Phó Tổng Giám đốc</b>
Năm sinh:	20/08/1959
Nơi sinh:	Đức Thọ, Hà Tĩnh
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hoà Định Đông, Phú Hoà, Phú Yên
Địa chỉ thường trú:	250 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hoà, Phú Yên
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
1994 – 1996	Kỹ thuật giám sát BQLDA Nhà máy xi măng Phú Yên
1997 – 1998	TP. Kinh tế - kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
1999 – 2000	TP Kinh tế tiếp thị Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2002 – 2003	TP. Kế hoạch đầu tư Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2004	Phó phòng KT - KT Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
2005 – 04/2006	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.3
05/2006 – 03/2010	TP Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Lilama 45.3
04/2010 – nay	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần LILAMA 45.3
<b>Ông Mạc Thanh Hải</b>	<b>Phó Tổng giám đốc</b>
Năm sinh:	16/06/1975
Nơi sinh:	Đông Lưu – Yên Thế - Bắc Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Nùng
Quê quán:	Đông Lưu – Yên Thế - Bắc Giang
Địa chỉ thường trú:	Lô 4K Tôn Đức Thắng – Thành Phố Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí



<b>Quá trình công tác</b>	
T11/1999 – 2000	Kỹ thuật CT NM thủy điện Đa My Công ty LM & XD 45.3
2000	Quản lý dự án Phòng KT-KT
2001	Phó chỉ huy trưởng CTNM đường Trà Vinh
2002	Chỉ huy trưởng NM Bông Tâm Thắng
2003	Phó chỉ huy trưởng CT NM nhiệt điện Phú Mỹ 4
T08/2003 – 2004	Giám đốc nhà máy CK Lilama 45.3, kiêm chỉ huy trưởng CT nhà máy thủy sản Nha Trang
2004	Phó chỉ huy trưởng CT Nm xi măng Sông Gianh
T11/2005 – 2008	Phó chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T01/2009 – T03/2010	Chỉ huy trưởng CT Nm thủy điện Buôn Kuốp
T04/2010 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Phạm Văn Thìn</b>	<b>Phó Tổng giám đốc ( bổ nhiệm ngày 13/07/2016)</b>
Năm sinh:	26/12/1975
Nơi sinh:	Xã Tây Hiếu – TX Thái Hoà - Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hưng Xuân – Hưng Nguyên - Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	163 An Dương Vương, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
<b>Quá trình công tác:</b>	
T4/2004-T11/2004	Nhân viên phòng TC- KT Công ty Lắp máy & XD số 18
T12/2004-T02/2008	Nhân viên phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T03/2008-T07/2009	Phó phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2009 – T07/2010	Trưởng phòng TC- KT Công ty CP LILAMA 45.3
T08/2010 –T07/2016	TV HĐQT - Kế toán trưởng Công ty
T07/2016 - nay	Thành viên HĐQT – Phó TGD Công ty CP LILAMA 45.3

## 2.2 Kế toán trưởng.

<b>Ông Cù Thanh Nghị</b>	<b>Kế toán trưởng</b>
Năm sinh:	19/09/1983
Nơi sinh:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ thường trú:	Vĩnh Châu - Hạ Hoà – tỉnh Phú Thọ
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
2004-2010	Nhân viên phòng TC-KT Công ty cổ phần Lilama 45.3
2011-T12/2016	Phó phòng TC-KT, Công ty cổ phần Lilama 45.3
T07/2016 - nay	Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Lilama 45.3

### + Thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm:

+ Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và bổ nhiệm Ông Phạm Văn Thìn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 13/07/2016, bổ nhiệm Ông Cù Thanh Nghị giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 13/07/2016.

### + Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số lao động đến 31/12/2016 là 859 người; trong đó: nam 844 người, 15 nữ, kỹ sư và cử nhân 116 người.

- Chính sách đối với người lao động:

### + Về tiền lương:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

### + Về công tác đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí mở các lớp đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Định kỳ tổ chức các lớp học thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi

đòi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

+ Về chính sách khen thưởng:

Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

+ Công tác đời sống đối với CBCNV:

Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.

+ Công ty hàng năm đều tổ chức cho CBCNV đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

+ Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ cho các gia đình là con em liệt sỹ kịp thời, đúng đối tượng, thực hiện tốt công tác xã hội tại địa phương.

+ Công tác BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn lao động Công ty luôn chấp hành đầy đủ 100% thực hiện đúng chế độ chính sách đối với người lao động.

### **3. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:**

#### **a, Các dự án đầu tư:**

\* Dự án khu kho bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất: dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính, đã quyết toán trong Quý II năm 2014 để hình thành tài sản, một số hạng mục phụ và thiết bị đang thực hiện vào giai đoạn 2.

\* Dự án đầu tư thiết bị phương tiện thi công từ năm 2009 đến năm 2020: Đầu tư mua sắm thiết bị và nâng cao năng lực thiết bị thi công là một vấn đề hết sức quan trọng, năm 2016 Công ty thực hiện đầu tư mua sắm mới thiết bị là 1,4 tỷ đồng, cố gắng sửa chữa, tận dụng thiết bị hiện có để thi công các công trình, tránh đầu tư dàn trải gây lãng phí và đầu tư không hiệu quả.

\* Dự án đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: 25,6 tỷ đồng, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua phương án thoái toàn bộ vốn đã góp. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2016 Công ty mới thoái được số vốn 05 tỷ đồng, số vốn còn lại thoái chậm nhất đến ngày 01/07/2017.

\* Dự án đầu tư tài sản cố định thông qua thuê mua tài chính 18,89 tỷ đồng, đã thực hiện thuê mua tài chính lũy kế đến 31/12/2016 là: 11,6 tỷ đồng, số còn lại: 7,3 tỷ đồng sẽ tiếp tục thực hiện.

**b, Công ty con: Đã giải thể chi nhánh Công ty tại Hà Nội.**

**c, Công ty liên kết: Không có**

#### 4, Tình hình tài chính

DVT: 1000đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2015 (*)	Thực hiện năm 2016	TH 2016/2015 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	346.467.132	419.526.327	121,1
2	Doanh thu thuần	166.186.365	194.124.688	116,8
3	Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	1.187.453	(650.656)	(54,8)
4	Lợi Nhuận khác	82.213	1.112.213	1352,8
5	Lợi nhuận trước thuế	1.269.667	461.557	36,4
6	Lợi nhuận sau thuế	990.340	364.632	36,8
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	

(\*) Số liệu năm 2015 đã được điều chỉnh theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước tại Báo cáo tài chính năm 2015.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2016

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2015 (*)
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		14,52	16,01
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		85,48	83,99
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		82,52	78,07
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		18,19	21,93
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,54	0,50
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn		1,06	1,09
<b>4</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,09	0,29
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,19	0,60
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		0,48	1,31
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		1,04	2,83

(\*) Các chỉ tiêu tài chính cũng thay đổi theo số liệu của Kiểm toán Nhà nước.

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

Hệ số thanh toán ngắn hạn tại ngày 31/12/2016 là 1,09 lớn hơn 1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến

hạn, tuy nhiên hệ số thanh toán nhanh tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.

Cơ cấu nguồn vốn: năm 2016 so với cùng kỳ năm 2015, do vốn điều lệ thấp 35 tỷ đồng chưa phù hợp với quy mô tăng trưởng doanh hàng năm nên Công ty vẫn phải sử dụng đòn bẩy tài chính cao từ 78,07% lên 82,52 Công ty sẽ tiếp tục tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ để giảm dư nợ vay ngắn hạn.

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2016 giảm hơn so với năm 2015; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 0,19%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 0,48%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đạt 1,04%.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2016 là:  
Tại thời điểm 31/12/2016 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{76.330.196.050}{3.500.000} =$$

Giá trị sổ sách = 21.809 đồng (đồng/CP)

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu a, Cổ phần tại ngày 31/12/2016:

Mã chứng khoán L43

- Tổng số lượng cổ phần : 3.500.000 cổ phiếu phổ thông.
- Cổ phần đang lưu hành: 3.500.000 cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu quỹ: không có
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 3.500.000 cổ phiếu
- Số lượng hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đồng /cổ phiếu

### b, Cơ cấu cổ đông.

\* Tình hình cơ cấu cổ đông: Theo số liệu sổ CD chốt ngày 25/03/2016 như sau:

TT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
	<b>Tổng số lượng cổ phiếu</b>	<b>3.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>274</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>Cá nhân</b>
1	<b>Cổ đông sở hữu từ 5% CP trở lên</b>	<b>1.963.400</b>	<b>56,09%</b>	<b>3</b>	<b>1.963.400</b>	<b>0</b>
	- Trong nước			3	1.963.400	
	- Ngoài nước				0	0

	<b>Cổ đông khác</b>	<b>1.536.600</b>	<b>43,9%</b>	<b>271</b>	<b>16.700</b>	<b>1.519.900</b>
<b>2</b>	- Trong nước	1.536.000	43,88%	269	16.700	1.519.300
	- Ngoài nước	600	0,017%	2		600

**\* Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Loại hình cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	124 Minh Khai – TP Hà Nội	1.429.000	40,83%
2.	Công ty TNHH MTV VIDP Hà Nội	Số 18A, ngõ 238 Hoàng Quốc Việt, TP Hà Nội	359.400	10,26%
3.	Cty TNHH DVKT Việt Nam	60A Cầu Bè – TP Nha Trang – Khánh Hòa	175.000	5,00%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.963.400</b>	

*c, Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có*

*d, Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có*

*e, Các chứng khoán khác: Không có*

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015.

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ban hành ngày 14/02/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược, kế hoạch bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ban hành ngày 29/05/2015 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy cơ khí tại Dung Quất – Quảng Ngãi và thực hiện các dự án thi công tại các địa phương, Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã nghiêm chỉnh thực hiện cam kết bảo vệ môi trường như sau:

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và sự cố môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí nhất là giai đoạn hoạt động của dự án đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí

xung quanh ; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải (sinh hoạt, nước mưa chảy tràn) và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung, không được xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra môi trường, đảm bảo chất lượng nước sau khi xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn (chất thải sinh hoạt, sản xuất, nguy hại...) theo đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện đăng ký cam kết bảo vệ môi trường tại địa phương nơi đơn vị thi công.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*DVT : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH năm 2015	KH năm 2016	TH năm 2016	So sánh (%)	
				TH 2016/TH 2015	TH2016/KH 2016
Tổng doanh thu	166.186	242.463	194.124	116,8	80,1
Lợi nhuận thực hiện trước thuế	1.269	4.600	462	36,4	10,0

Trong năm 2016 là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, xuất phát từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan đã ảnh hưởng đến trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### + Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trước những khó khăn về việc làm, về cạnh tranh thị trường, nhằm đảm bảo công tác báo giá, đấu thầu đạt hiệu quả cao. Những tiến bộ Công ty cổ phần Lilama 45.3 đã đạt được như sau:

- Hoàn thiện quy chế quản lý Doanh nghiệp, quản lý thi công, quản lý nhân lực, quản lý kinh tế trong Công ty.

- Tổ chức thi công các công trình trọng điểm đi vào chuyên nghiệp như: Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn – Thanh Hóa, Nhà máy thủy điện Trung Thu; Trung Sơn, Nhà máy đường KCP Sơn Hòa....

- Tìm hiểu, nắm bắt kỹ lưỡng các thông tin giá cả trên thị trường, các thông tin về đối thủ cạnh tranh để đưa ra các giải pháp tối ưu nhất trong báo giá đấu thầu.

- Do vậy trong năm 2016, ngoài những hợp đồng đã ký kết từ những năm trước đang được triển khai thi công. Công ty đã ký thêm được một số hợp đồng với giá trị : **183,6 tỷ đồng**, cụ thể như sau :

+ Cung cấp, chế tạo, lắp đặt TB cơ khí thủy công - Dự án thủy điện Đăk Pô Cô: 70 tỷ đồng.

+ Lắp đặt thiết bị cơ điện Nhà máy thủy điện Đăk Pô Cô: 16,4 tỷ đồng.

+ Tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt toàn bộ thiết bị, hệ thống chiếu sáng nhà xưởng, và kết cấu thép sân mía đường – Nhà máy đường Đăk Lăk: 31,6 tỷ đồng.

+ Cung cấp, vận chuyển, lắp đặt và dịch vụ kỹ thuật thiết bị cơ khí thủy công - Dự án nhà máy thủy điện Cẩm Thủy: 21,3 tỷ đồng

+ Nâng cấp hệ thống kênh dẫn nước Nhà máy thủy điện Đăm Bol – Lâm Đồng: 42,2 tỷ đồng

## 2, Tình hình tài chính

### a, Tình hình tài sản :

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*DVT : Triệu đồng*

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>358.615</b>	<b>291.004</b>	<b>67.610</b>	<b>123,2</b>
1 - Tiền và các khoản tương đương tiền	2.409	7.200	(4.790)	33,5
2 - Các khoản phải thu ngắn hạn	<b>180.715</b>	126.696	54.018	142,6
3 - Hàng tồn kho	175.490	157.107	18.382	111,7
<b>B – TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>60.911</b>	<b>55.462</b>	<b>5.448</b>	<b>109,8</b>
1 - Các khoản phải thu dài hạn	1.662	989	672	168,0
2 - Tài sản cố định	27.993	25.617	2.375	109,3
3 – Tài sản dở dang dài hạn	3.367	868	2.499	387,9
4 - Đtư tài chính dài hạn	25.600	25.600	0	0
5 - Tài sản dài hạn khác	2.288	2.387	(99)	95,9
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>419.526</b>	<b>346.467</b>	<b>73.059</b>	<b>121,1</b>



- Tổng tài sản cuối kỳ so với đầu năm tăng 21,1% chủ yếu là do tăng tài sản lưu động cụ thể là: các khoản phải thu ngắn hạn tăng 54,0 tỷ đồng (chủ yếu tăng nợ phải thu khách hàng tăng 47,5 tỷ đồng, do ứng trước cho khách hàng mua vật tư: 5,0 tỷ đồng) tăng 42,6%; Hàng tồn kho tăng 18,3 tỷ đồng do chưa nghiệm thu lên phiếu giá kết chuyển vào doanh thu và công nợ trong kỳ, trong đó: dự án Hangar A75 chi phí SXKD dở dang cuối kỳ: 60,9 tỷ đồng/175,4 tỷ đồng chiếm 34,7%, dự án mở rộng Gang thép Thái Nguyên 24,7 tỷ đồng chiếm 14,1% chi phí SXKD dở dang đến ngày 31/12/2016.

- Tài sản dài hạn tăng do trong kỳ có đầu tư tài sản cố định và thuê mua tài chính 01 cầu 80 tấn Liebherr và tài sản cố định hữu hình giảm do trong kỳ thực hiện thanh lý: Máy nén khí, xe cầu bánh hơi AMK thủy lực, ô tô cần trục KC 3577, xe nâng hàng và một số máy móc thiết bị khác...

- Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 10,6 tỷ đồng/ 18,7 tỷ đồng nợ xấu, tỷ lệ nợ phải thu xấu tồn đọng đang chiếm 10,3%/ tổng nợ phải thu của Công ty. Đến thời điểm hiện nay Công ty cổ phần điện báo Tân đã thanh toán nợ gốc cho Công ty số tiền: 10 tỷ đồng.

- Nợ phải thu tăng và hàng tồn kho cao ( 84,9%) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty.

#### **b, Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn:**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Chênh lệch	
			Giá trị	%
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>343.196</b>	<b>270.489</b>	<b>72.706</b>	<b>126,9</b>
1 - Nợ ngắn hạn	338.712	267.214	71.498	126,8
2 - Nợ dài hạn	4.483	3.274	1.208	136,9
<b>B – VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>76.330</b>	<b>75.977</b>	<b>352</b>	<b>100,5</b>
1 - Vốn chủ sở hữu	76.330	75.977	352	100,5
2- Vốn điều lệ	35.000	35.000	0	0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>419.526</b>	<b>346.467</b>	<b>73.059</b>	<b>121,1</b>

- Tổng nguồn vốn tăng 73,0 tỷ đồng chủ yếu do nợ phải trả tăng 72,7 tỷ đồng tăng 26,9%, trong đó nợ ngắn hạn tăng 71,4 tỷ đồng, tăng 26,8%, và nợ dài hạn do thuê mua tài chính TSCĐ 1,2 tỷ đồng tăng 36,9% , chủ yếu là các khoản nợ các tổ chức tín dụng, khách hàng, Tổng công ty và nợ các đội công trình, Công ty cần quyết liệt thu hồi công nợ, giảm nợ phải trả, nhằm đảm bảo an toàn và chủ động cho nguồn vốn SXKD.

- Vốn chủ sở hữu tăng 352 triệu đồng, tăng 0,5% so với đầu kỳ do lợi nhuận thấp và phải trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2015 theo quy định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

- Hệ số nợ phải trả bằng 4,5 lần vốn chủ sở hữu, nợ vay ngắn, dài hạn các tổ chức tín dụng và Tổng công ty là: 160,6 tỷ đồng bằng 4,6 lần vốn điều lệ.

**c, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016:**

*DVT: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	TH năm 2016	TH năm 2015	TH2016/TH 2015 (%)
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	194.124	166.186	116,8
2. Giá vốn hàng bán	171.118	136.763	125,1
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	23.006	29.422	78,2
4. Doanh thu hoạt động tài chính	72	38	189,5
5. Chi phí tài chính	15.512	15.205	102,0
- Trong đó: Lãi vay phải trả	15.507	15.195	102,1
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.216	13.068	62,9
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	(650)	1.187	
8. Thu nhập khác	1.230	313	393,0
9. Chi phí khác	118	231	51,1
10. Lợi nhuận khác	1.112	82	1356,1
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	461	1.269	36,3
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	96	279	34,4
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	364	990	36,8
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	99	280	35,4

*Ghi chú: Số liệu Bảng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 đã điều chỉnh theo kết luận số 109/TB - KTNN ngày 19/01/2017 của Kiểm toán Nhà nước.*

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 cho thấy tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn, lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ 0,65 tỷ đồng, chi phí quản lý và chi phí tài chính đang chiếm 12,2%/ tổng chi phí (23,7 tỷ đồng/194,9 tỷ đồng) dẫn đến lợi nhuận sau thuế thấp, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 0,2% so với doanh thu thực hiện và đạt 1,04% so với vốn điều lệ, tiền thu về hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ trả chi phí và lãi vay ngân hàng, lợi nhuận trong năm 2016 chủ yếu từ lợi nhuận khác.

**3, Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý**

+ Thực hiện cải tiến cơ cấu tổ chức: Bổ nhiệm một số vị trí chủ chốt, đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ sư, cử nhân trẻ, năng động sáng tạo trong điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh tốt. Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị và cán bộ công nhân viên.

+ Kiện toàn các đội sản xuất, chuyển từ cơ chế điều hành tập trung sang cơ chế đội nhận khoán, qua đó tính chủ động, tinh thần trách nhiệm của các cá nhân và hiệu quả SXKD được nâng lên rõ rệt.

+ Kịp thời điều chỉnh tiền lương cho CBCNV theo mức lương tối thiểu mới do nhà nước quy định, tăng mức ăn ca, thu nhập, tạo cho người lao động tâm lý yên tâm, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.

+ Cơ cấu, cân đối lại vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính.

- Các biện pháp kiểm soát.

+ Thực hiện cơ chế khoán song song với chế độ giám sát chặt chẽ của các Phó Tổng giám đốc phụ trách và các phòng nghiệp vụ liên quan.

+ Các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo trực tiếp đội công trình thi công và giải quyết các công việc phát sinh liên quan trực tiếp đến thi công.

+ Phòng Tổ chức hành chính giám sát quá trình sử dụng nhân lực và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động (việc làm, thu nhập, tiền thưởng, chế độ nghỉ, trang bị BHLĐ...)

+ Phòng Kinh tế - Kỹ thuật phối hợp với phòng Tài chính kế toán lập dự toán thi công, dự toán giao khoán, giám sát quy trình thi công, sử dụng nguyên vật liệu đầu vào, hướng dẫn lập hồ sơ kỹ thuật, nghiệm thu và thanh quyết toán công trình.

+ Phòng Quản lý máy giám sát quá trình sử dụng xe, cầu, máy móc thiết bị thi công đảm bảo tiết kiệm chi phí và an toàn.

+ Phòng vật tư giám sát giá mua vật tư của các đội công trình, những vật tư có giá trị lớn phải đứng ra làm thủ tục mua

+ Phòng tài chính kế toán phối hợp với phòng kinh tế kỹ thuật lập dự toán giao khoán, kiểm soát quá trình ứng và thanh quyết toán các dự toán giao khoán, hướng dẫn tập hợp chi phí, hoá đơn chứng từ theo luật định.

#### **4, Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm quản lý một cách toàn diện và đồng bộ sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

- Cải tiến máy móc, phương tiện thi công, ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào thi công nhằm đáp ứng các yêu cầu về năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, giảm chi phí đầu vào hạ giá thành sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt hiện nay.

- Cơ cấu lại nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư, sử dụng linh hoạt các nguồn tiền và vốn của Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng các dự án.

- Xây dựng chiến lược phát triển nhân tố lao động của Công ty thông qua các chương trình đào tạo dài hạn, ngắn hạn. Đồng thời đề ra các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện về vật chất, môi trường làm việc tốt cho CBCNV...

#### **• Chiến lược phát triển 05 năm từ năm 2016 đến năm 2020:**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	TH 2016	KH 2017 (*)	KH 2018 (*)	KH 2019	KH 2020
1.	Giá trị SXKD	388.249	520.650	525.857	490.840	539.924

2.	Tổng doanh thu	194.124	400.500	410.500	350.600	385.660
3.	Lợi nhuận	461	4.700	5.640	6.148	6.763
4.	Nộp ngân sách	4.959	13.600	14.960	15.259	15.564
5.	Đầu tư XDCB	8.979	11.000	12.100	12.705	13.340

(\*) Riêng hai năm 2017 và năm 2018: Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu cao hơn so với năm 2019 và năm 2020 là do: Quý 01 năm 2017, Công ty đã ký được các Hợp đồng thi công dự án Giải quyết ngập khu vực thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1) với tổng giá trị các hợp đồng là: 742,6 tỷ đồng ( bao gồm thuế VAT), dự kiến thời gian hoàn thành bàn giao công trình là Quý 01 năm 2018.

- Tiếp tục giữ vững vị thế là Doanh nghiệp đầu ngành của Việt Nam trong công tác lắp máy (Chế tạo và lắp đặt thiết bị cho các nhà máy thủy điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy nhiệt điện và các công trình công nghiệp, dân dụng khác....)

• **Nhận định chung trong năm 2017**

- Năm 2017 nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, trong nước vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức bởi thời tiết, biến đổi khí hậu và vấn đề môi trường biển. Do vậy các chính sách của Nhà nước đều phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế mới.

- Việc hội nhập quốc tế đã nảy sinh ra những vấn đề về cạnh tranh, ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh cùng ngành nghề với Lilama, các đối thủ đó đều mạnh về tài chính, trình độ quản lý, trình độ khoa học công nghệ, nguồn nhân lực và đơn giá nhân công.

- Một số khách hàng gần đây cũng gặp khó khăn về tài chính, việc thu hồi vốn sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng trực tiếp.

Do đó Hội đồng quản trị Công ty cần thực hiện mạnh hơn các biện pháp để hoàn thành kế hoạch năm 2017 :

- Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát việc điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Thực hiện tốt công tác quản lý các mặt của Công ty để trên cơ sở đó điều hành các mặt sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế.

Trong năm 2017 Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2017	Ghi chú
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	Triệu đồng	520.650	
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	400.500	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.700	

4	Nộp ngân sách	Triệu đồng	13.600
5	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	11.000
6	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	116.145
7	Lao động bình quân	Người	1.200
8	Thu nhập BQ (người/tháng)	Triệu đồng	8,066
9	Dự kiến cổ tức	%	5

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có ý kiến.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

Để thực hiện cam kết bảo vệ môi trường, công ty sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp để bảo vệ môi trường, thực hiện theo các Quy chuẩn về bảo vệ môi trường.

#### IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty :

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần LILAMA45.3, HĐQT đã xây dựng kế hoạch công tác, chương trình làm việc cụ thể, hoạch định chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn. Trong năm 2016, HĐQT đã họp 11 phiên vào từng quý và bất thường, các phiên họp có sự tham gia của Ban kiểm soát, một số phiên họp mở rộng có sự tham gia của ban Tổng giám đốc, các Trưởng phòng ban.

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, nhiệm kỳ 2016-2021 diễn ra vào ngày 15/04/2016.
- Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021:  
Hội đồng quản trị công ty gồm 05 thành viên, bao gồm:
 

1/ Ông: Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT
2/ Ông: Hoàng Việt	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
3/ Ông: Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
4/ Ông: Huỳnh Lê Hoà	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
5/ Ông: Huỳnh Văn Thạch	Thành viên HĐQT
- Ban Kiểm soát công ty gồm 03 thành viên, bao gồm:
 

1/ Bà: Phạm Thị Bích Hà	Trưởng Ban kiểm soát
2/ Ông: Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên Ban kiểm soát
3/ Ông: Trần Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
- Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

Trên cơ sở phương hướng nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua, Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh từng quý, đồng thời

kiểm điểm đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và có chỉ đạo cụ thể nhằm hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2016.

Soạn thảo và ban hành các quy chế, quy định nội bộ để quản lý Công ty

Xây dựng và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001-2008.

Đề ổn định về bộ máy tổ chức quản lý và duy trì sự lãnh đạo công ty và chi nhánh,

Hội đồng quản trị công ty đã quyết định:

- Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty

- Công ty đã ký hợp đồng vay vốn với các Ngân hàng, về cơ bản đã đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho SXKD và đầu tư năm 2016.

+ Phân phối lợi nhuận năm 2015: đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

+ Về việc chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm 2015: HĐQT Công ty đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

+ Về việc thông qua đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Tổng Công ty giai đoạn 2012-2015 và 2016 đến 2020 của Công ty Cổ phần LILAMA 45.3. Đề án tái cấu trúc doanh nghiệp và nâng cao năng lực quản trị của Công ty đã được Tổng công ty LILAMA Việt Nam thông qua tại Nghị quyết số 120/TCT-HĐTV ngày 11/04/2014 với các nội dung như: Ngành nghề kinh doanh; Vốn điều lệ; Cơ cấu tổ chức; Lộ trình thoái vốn đến năm 2015; Tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp.

+ Kế hoạch, lộ trình thoái vốn tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn: Đã thực hiện thoái được 05 tỷ đồng tại Công ty Cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn.

+ Tích cực chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016, tuy nhiên việc thực hiện còn hạn chế, trong năm 2016 Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách. Tình hình tài chính của Công ty ngày càng khó khăn, việc nghiệm thu, thu hồi vốn chậm, công tác thanh quyết toán và bù giá còn kéo dài, chi phí ngày càng cao, thiếu hụt dòng tiền cho hoạt động SXKD, việc thanh toán các khoản nợ ngân sách không kịp thời, đang tiềm ẩn nguy cơ mất cân đối về tài chính.

+ Hội đồng quản trị đã chỉ đạo công bố thông tin theo Luật chứng khoán kịp thời và đầy đủ.

+ Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2014 thông qua, tuy nhiên việc triển khai một số nội dung như: tái cơ cấu tài chính và quản trị còn chậm.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

Hội đồng quản trị đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác nhằm bảo đảm cho hoạt động SXKD của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai theo đúng Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT, luôn chú trọng công tác rủi ro, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà phát triển bền vững, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để các cổ

đồng, các nhà đầu tư và các cơ quan chức năng thực hiện tốt được vai trò giám sát, thanh tra kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo cân đối hài hòa cho lợi ích của Cổ đông, đối tác và bạn hàng cũng như quyền lợi của Người lao động.

Đã chỉ đạo các bộ phận liên quan phối hợp làm việc và cung cấp hồ sơ, số liệu cho Đoàn Kiểm toán nhà nước hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2015 và Chuyên đề việc thực hiện Đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước giai đoạn 2011 - 2015” của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 1589/QĐ-KTNN ngày 19/09/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước

Bên cạnh những mặt đã đạt được, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 vẫn còn những hạn chế và tồn tại chưa khắc phục được như: Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách chưa đạt so với kế hoạch, chưa thu hồi được công nợ của công trình Nhà máy thủy điện Đrâyh’Linh 3 với giá trị là: 5,2 tỷ đồng, công trình nhà máy thủy điện La La - Quảng Trị với giá trị: 3,2 tỷ đồng, công nợ nhà máy thủy điện Đăm Bol với giá trị: 10,2 tỷ đồng, tuy nhiên đến tháng 01/2017 Công ty đã thu hồi được nợ gốc là 10 tỷ đồng tại Công ty cổ phần điện Bảo Tân, đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho 03 công trình trên theo đúng luật định.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tính chủ động, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy chế quản lý nội bộ và triển khai thực hiện nhất quán tại các đơn vị, công trình trực thuộc;

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm việc làm, mở rộng thị trường.

- Thực hiện điều chỉnh Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị theo tình hình thực tế.

- Công ty sẽ phối hợp và hỗ trợ tối đa để các thành viên trong HĐQT và Ban kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định của pháp luật và theo quy điều lệ của công ty;

- Cử thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và một số vị trí chủ chốt khác trong công ty tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản trị doanh nghiệp.

## V - QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Thành viên Hội đồng quản trị

- a. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành.

#### *Tóm tắt lý lịch của các thành viên HĐQT*

<b>Ông Bùi Quốc Vương</b>	<b>Chủ tịch HĐQT</b>
Năm sinh:	04/02/1974
Nơi sinh:	Thái Nguyên
Quốc tịch:	Việt Nam

Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tổ 7 phường Tân Lập – Thành phố Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú:	Tổ 17 P.Trần Phú, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
T08/1996 – 1998	Công ty Lắp máy & Xây dựng 45.1
1999-2000	Kỹ sư GS - biệt phái cho TCty tại CT NM xi măng Nghi Sơn – Thanh Hoá
2000-2002	Kỹ sư giám sát tại Nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ I
2002-2003	Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban Quản lý LILAMA tại Dung Quất
2003-2006	Chỉ huy trưởng tại Công trình NM xi măng Sông Gianh Quảng Bình thuộc Cty Lắp máy và XD số 7
2006- T09/2009	Trưởng phòng TC-HC Ban QL dự án LILAMA NM lọc dầu Dung Quất
T10/2009-T05/2010	Phó phòng tổ chức LĐ Cty Cổ phần LILAMA 45.3
T06/2010 – T10/2015	Thành viên HĐQT Trưởng phòng Tổ chức HC Công ty CP LILAMA 45.3
T10/2015 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP LILAMA 45.3
<b>Ông Hoàng Việt</b>	<b>Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Huỳnh Lê Hòa</b>	<b>Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Phạm Văn Thìn</b>	<b>Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc (đã nêu ở Ban điều hành)</b>
<b>Ông Huỳnh Văn Thạch</b>	<b>Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 15/04/2016)</b>
Năm sinh:	20/12/1974
Nơi sinh:	Bình Định
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Định



Địa chỉ thường trú:	Tổ 6 – Phú Thạnh – TP Nha Trang- tỉnh Khánh Hoà
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
1997 - 1999	Nhân viên Công ty đường Khánh Hoà
1999 - 2000	Kỹ sư giám sát – Công ty Cổ phần Lilama 45.3
2000 - 2001	Kỹ sư giám sát – Công ty APAVR VN & Đông Nam Á
2002 - 2006	Phó TGĐ – Công ty ALPHA NDT
2006 - nay	Giám đốc – Công ty TNHH DVKT Việt Nam

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (Phần sở hữu cá nhân)**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2016	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Quốc Vương	CT HĐQT	0		20.000	0,57
2	Hoàng Việt	TV HĐQT	15.000	0,43	55.000	1,57
3	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT	10.000	0,28	25.000	0,71
4	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT	10.000	0,28	35.000	1,00
5	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT	0		0	0

**b, Các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có**

**c, Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty thực hiện vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát còn nhiều hạn chế do vậy hoạt động SXKD đạt hiệu quả thấp. Đã kiểm tra giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách của Nhà Nước, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, các quy định, điều hành của Tổng Giám đốc trong hoạt động SXKD. Bằng các Nghị quyết và quyết định của mình, HĐQT đã đưa ra định hướng và các giải pháp để chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD.

T	Số nghị quyết/ QĐ	Ngày	Nội dung
I.	<b>Nghị quyết</b>		
1.	28/2016/NQ-ĐHĐCĐ	15/04/2016	- Thông qua Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông

			- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2015.
			- Thông qua hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015
			- Thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập và phụ cấp HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát Công ty
			- Thông qua tình hình thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty năm 2015
			- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2016
			- Thông qua kế hoạch thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty năm 2016
			- Thông qua định hướng kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020
			- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, phân phối lợi nhuận năm 2015.
			- Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán cho báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016 và cả năm 2016.
			- Thông qua việc chấp thuận cho Hội đồng quản trị lập phương án vay vốn ngắn hạn, trung và dài hạn, dự kiến hạn mức tín dụng năm 2016 và ủy quyền cho Tổng giám đốc ký các hợp đồng tín dụng năm 2016.
			- Thông qua phê duyệt thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2016.
			- Thông qua phê duyệt Tổng quỹ tiền lương năm 2016
			- Thông qua kế hoạch, lộ trình thoái vốn tại Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn
			- Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty cổ phần Lilama 45.3
			- Thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021
			- Thông qua danh sách trúng cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021
			- Thông qua giới thiệu Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc và Trưởng ban kiểm soát mới của Công ty
2.	05/2016/NQ-HĐQT	26/01/2016	- Thông qua việc chuyển nhượng tài sản trên đất trụ sở cũ 51 đường Độc Lập, TP Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên
			- Thông qua phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama 45.3 giai đoạn 2 tại Dung Quất.
3.	11/2016/NQ-HĐQT	26/02/2016	- Thông qua phê duyệt tổng dự toán và dự toán thiết kế dự án đầu tư khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Dung Quất.
			- Thông qua phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư thiết bị tăng cường năng lực phương tiện thiết bị thi công từ

			năm 2009-2020.
			- Thông qua các vấn đề khác
4.	14/2016/NQ-HĐQT	07/03/2016	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT năm 2015
			- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016.
			- Thông qua kế hoạch thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Lilama 45.3 trong năm 2016.
			- Thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, nhiệm kỳ 2016-2021.
			- Thông qua công tác chuẩn bị tài liệu cho Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, nhiệm kỳ 2016-2021.
			- Thông qua phân công trách nhiệm thực hiện.
5.	17/2016/NQ-HĐQT	16/03/2016	- Thông qua lựa chọn đơn vị cho thuê tài chính và giá trị thuê tài chính đầu tư 01 xe cầu trục bánh lốp 80 tấn, hiệu LIEBEHRR.
6.	22A/2016/NQ-HĐQT	17/03/2016	- Thông qua thanh lý vật tư, tài sản công cụ, dụng cụ, phụ tùng hư hỏng không sử dụng được.
7.	29/2016/CT-HĐQT	15/04/2016	- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
			- Giao cho Ông Hoàng Việt tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám Đốc và là người đại diện pháp luật của Công ty.
8.	31/2016/NQ-HĐQT	20/04/2016	- Thông qua kết quả SXKD và ĐTPT Quý I năm 2016, dự kiến kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý II năm 2016.
			- Thông qua công tác thu hồi vốn Quý I năm 2016 và dự kiến thu hồi vốn quý II năm 2016.
			- Thông qua công tác thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị công ty và kế hoạch thực hiện Quý II năm 2016
			- Thông qua công tác cán bộ miễn nhiệm chức danh Phó phòng tài chính kế toán.
			- Thông qua các vấn đề khác.
9.	39/2016/NQ-HĐQT	01/06/2016	- Thông qua tình hình thực hiện SXKD và ĐTPT Quý II năm 2016.
			- Thông qua tình hình thực hiện công tác thu hồi vốn Quý II năm 2016.
			- Thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các Quy chế : quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị; quy chế hoạt động của HĐQT và quan hệ phối hợp với Tổng giám đốc công ty; Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Lilama 45.3 vào doanh nghiệp khác; Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ Công ty cổ phần Lilama 45.3; Quy chế

			quản lý tài chính; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế giao khoán.
			- Thông qua cử người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác.
			- Thông qua thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty.
			- Thông qua một số công tác khác.
10.	52/2016/NQ-HDQT	12/7/2016	- Thông qua dự kiến kết quả SXKD và ĐTPT Quý II/2016
			- Thông qua báo cáo thực hiện công tác thu hồi vốn Quý II/2016 và 06 tháng đầu năm 2016, dự kiến thu hồi vốn Quý III/2016
			- Thông qua việc bán đấu giá lần 2 thanh lý tài sản gắn liền trên đất trụ sở làm việc cũ tại 51 đường Độc Lập-Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
			- Thông qua việc bán thanh lý tài sản gắn liền trên đất và chuyển nhượng quyền thuê đất tại Nhà máy cơ khí chế tạo Lilama 45.3 tại Bình Kiến, Tuy Hòa, Phú Yên.
			- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016.
			- Thông qua việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn.
			- Thông qua việc bổ nhiệm đối với chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Phó trưởng phòng TC-HC, Phó trưởng phòng cung ứng vật tư.
			- Thông qua thay đổi người công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
			- Thông qua ban hành Quy định hệ thống thang bảng lương mới của Công ty CP Lilama 45.3.
			- Thông qua một số nội dung khác.
11.	65/2016/NQ-HĐQT	09/09/2016	- Thông qua công tác kế toán và Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2016 đã soát xét.
12.	66/2016/NQ-HĐQT	09/09/2016	- Thông qua kết quả thực hiện SXKD và ĐTPT 06 tháng đầu năm 2016, phê duyệt nhiệm vụ KH SXKD và ĐTPT Quý III năm 2016.
			- Thông qua một số nội dung khác.
13.	72/2016/NQ-HDDQT	21/12/2016	- Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2016
			- Thông qua chấm dứt hoạt động chi nhánh Công ty tại Hà Nội.
14.	75/2016/NQ-HĐQT	21/12/2016	- Thông qua báo cáo thực hiện công tác thu hồi vốn 09 tháng đầu năm 2016, dự kiến thu hồi vốn Quý 04/2016;
			- Thông qua Báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2016 và dự kiến Quý 04/2016,
			- Thông qua trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi Quý

			04/2016;
			- Công tác chuẩn bị phương án tết nguyên đán năm 2017, kế hoạch thanh toán tiền lương năm 2016 và trích bổ sung tiền lương tháng 13 năm 2016 cho CBCNV – Người lao động trong công ty.
15.	76/2016/NQ-HĐQT	21/12/2016	- Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và ĐTPT 09 tháng đầu năm 2016
			- Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và ĐTPT 09 tháng đầu năm 2016
			- Phê duyệt nhiệm vụ kế hoạch SXKD và ĐTPT Quý 04/2016
			- Kế hoạch SXKD và ĐTPT năm 2017.
			- Thông qua một số nội dung khác như: Công tác tổ chức và quản lý nhân sự; Công tác quản trị doanh nghiệp; thực hiện chính sách với Người lao động; Công tác an toàn và trang bị bảo hộ lao động trên các công trình; Tình hình thực hiện đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty; Tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật tại Dung Quất.
<b>II.</b>	<b>CÁC QUYẾT ĐỊNH</b>		
1.	QĐ 06A/2016/CT-HĐQT	26/01/2016	V/v phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình khu bãi chứa thiết bị và dịch vụ kỹ thuật Lilama Dung Quất giai đoạn 2
2.	QĐ 09A/2016/CT-HĐQT	15/02/2016	V/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khu bãi chứa thiết bị và DVKT Lilama Dung Quất giai đoạn 2
3.	QĐ 12/2016/CT-HĐQT		V/v phê duyệt dự toán thiết kế của dự án khu bãi chứa thiết bị và DVKT Lilama Dung Quất giai đoạn 2
4.	QĐ 54/2016/CT-HĐQT	13/07/2016	V/v bổ nhiệm Ông Phạm Văn Thìn giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty
5.	QĐ 55/2016/CT-HĐQT	13/07/2016	V/v bổ nhiệm Ông Cù Thanh Nghị giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty.
6.	QĐ 58/2016/CT-HĐQT	14/07/2016	V/v phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty cổ phần Lilama 45.3
7.	QĐ 423A/2016/HĐQT	17/03/2016	V/v chấp thuận thanh lý vật tư, tài sản, công cụ, dụng cụ phụ tùng hư hỏng của Công ty cổ phần Lilama 45.3.
8.	QĐ 40/2016/HĐQT	02/06/2016	V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.
9.	QĐ 41/2016/HĐQT	02/06/2016	V/v ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT và quan hệ phối hợp với Tổng giám đốc Công ty.
10.	QĐ 42/2016/HĐQT	02/06/2016	V/v ban hành Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Lilama 45.3 đầu tư vào doanh nghiệp khác
11.	QĐ 43/2016/HĐQT	02/06/2016	V/v ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ

			Công ty Cổ phần Lilama 45.3.
12.	QĐ 46/CT-HĐQT	10/06/2016	V/v ban hành Quy chế Quản lý tài chính Công ty Cổ phần Lilama 45.3.
13.	QĐ 67/2016/HĐQT	09/09/2016	V/v ban hành Quy chế quản lý nợ Công ty cổ phần Lilama 45.3.
14.	QĐ 68/2016/HĐQT	09/09/2016	V/v ban hành Chính sách quản trị rủi ro Công ty cổ phần Lilama 45.3.
15.	QĐ 77/2016/HĐQT	22/12/2016	V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Lilama 45.3.

***d, Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:***

- Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.

- Thường xuyên cùng Ban kiểm soát công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của công ty.

- Có ý kiến kịp thời với Ban Tổng giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

***c, Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT:***

Hội đồng quản trị công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà phân công cho các uỷ viên HĐQT phụ trách từng lĩnh vực và tham gia trực tiếp vào các Hội đồng của công ty như: Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng bảo hộ lao động, Hội đồng giao khoán.

***f, Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty***

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
3	Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT – Phó tổng GD
4	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT - Phó tổng GD

**2. Ban kiểm soát**

**a, Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát**

- |                          |                          |
|--------------------------|--------------------------|
| + Bà: Phạm Thị Bích Hà   | Trưởng Ban kiểm soát     |
| + Ông: Nguyễn Mạnh Hương | Thành viên Ban kiểm soát |
| + Ông: Trần Ngọc Dũng    | Thành viên Ban kiểm soát |

**Tóm tắt lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát**

<b>Bà Phạm Thị Bích Hà</b>		<b>Trưởng Ban kiểm soát</b>
Năm sinh:	11/01/1975	
Nơi sinh:	Thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Xã Tô Hiệu, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.	
Địa chỉ thường trú:	Tổ 21 phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi.	
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH.	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế.	
Quá trình công tác:		
Từ tháng 10/1998 đến 12/2010	Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Lilama 45.3	
Từ tháng 01/2011 đến tháng 04/2016	Phó phòng TC-KT- Công ty cổ phần Lilama 45.3	
Từ tháng 04/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Lilama 45.3	
<b>Ông Nguyễn Mạnh Hưởng</b>		<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>
Năm sinh:	1982	
Nơi sinh:	Huyện Lâm Thao, Phú Thọ	
Quốc tịch:	Việt Nam	
Dân tộc:	Kinh	
Quê quán:	Trương Thịnh, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ	
Địa chỉ thường trú:	Khu 10, Thị trấn Hùng Sơn, Lâm Thao, Phú Thọ	
Trình độ văn hoá:	12/12 PTTH	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế	
Quá trình công tác:		
2004 – nay	Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	
<b>Ông Trần Ngọc Dũng</b>		<b>Thành viên Ban kiểm soát – PP Kinh tế - Kỹ thuật</b>
Năm sinh:	1974	

Nơi sinh:	Kim Xuyên – Sơn Dương – Tuyên Quang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Sơn Đông - Lập Thạch – Vĩnh Phúc
Địa chỉ thường trú:	L4K Đường Tôn Đức Thắng – TP Quảng Ngãi
Trình độ văn hoá:	10/10 PTTH
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư cơ khí
Quá trình công tác:	
T5/1996-T6/1996	Nhân viên P. Kỹ thuật – Công ty Lắp máy và XD 45-3
T6/1996-T8/1997	Kỹ thuật thi công Nhà máy đường Yaunpa – Gia Lai
T9/1997-T6/1998	Nhân viên P. KT - KT Công ty Lắp máy và XD 45-3
T7/1998-T4/1999	Đội phó đội CT Nmáy TĐ Sông Hình – Phú yên
T5/1999-T11/1999	Kỹ thuật thi công Nm thủy điện Đa Mi – Hàm Thuận
T12/1999-T2/2001	Kỹ thuật thi công Nm đường Cam Ranh Khánh Hòa.
T3/2001-T 7/2002	NV P.Kinh tế - Tiếp thị, Công ty Lắp máy & XD 45-3.
T8/2002-T10/2003	Nhân viên Phòng KH Đầu tư – Cty LM & XD 45-3
T11/2003-T4/2005	Nhân viên P.KT- KT – Công ty LM & XD 45.3
T5/2005 - nay	Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP Lilama 45.3

***b, Hoạt động của Ban kiểm soát:***

- Ban kiểm soát công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ và quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc khi triển khai thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị đến các phòng ban, các đội công trình, các cổ đông trong và ngoài Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh các vấn đề có liên quan đến Đại hội đồng cổ đông thường niên...

Thường xuyên trao đổi cùng Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc trong việc tuân thủ các chính sách chế độ tài chính hiện hành cũng như việc tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động trong công ty.

06 tháng và cả năm, Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.



*c, Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên BKS (Phần sở hữu cá nhân)*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày niêm yết (11/06/2008)		Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2016	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	5.800	0,17	2.000	0,06
2	Nguyễn Mạnh Hương	TV BKS	9.600	0,27	0	0
3	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	38.000	1,08	0	0

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát**

*a, Quy định mức Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát cho năm 2016.*

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương và thù lao tối đa (đ/người/tháng)	Số tháng/năm (*)	Thành tiền (đồng)
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>				<b>298.800.000</b>
1,	Chủ tịch HĐQT – chuyên trách	01	24.000.000	9	216.000.000
2,	Thành viên HĐQT – kiêm nhiệm	04	9.200.000	9	82.800.000
<b>II.</b>	<b>Ban kiểm soát</b>				<b>153.000.000</b>
1,	Trưởng BKS chuyên trách	01	13.500.000	9	121.500.000
2,	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	3.500.000	9	31.500.000
<b>III.</b>	<b>Thư ký HĐQT</b>	<b>01</b>	<b>1.150.000</b>	<b>9</b>	<b>10.350.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>08</b>			<b>582.450.000</b>

*(\*) 03 tháng đầu năm 2016 vẫn thực hiện trả lương và thù lao theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015.*

*b, Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác và chi phí cho HĐQT, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2016:*

*ĐVT: đồng*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao
1.	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	295.236.437	0
2.	Hoàng Việt	TV HĐQT – Tổng GD	283.486.437	28.200.000
3.	Huỳnh Lê Hòa	TV HĐQT – Phó TGD	211.686.229	28.200.000
4.	Phạm Văn Thìn	TV HĐQT - PTGD	211.105.001	28.200.000
5.	Huỳnh Văn Thạch	TV HĐQT	0	20.150.000
6.	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng BKS	157.953.958	4.150.000
7.	Ng. Mạnh Hường	TV BKS	0	23.237.500
8.	Trần Ngọc Dũng	TV BKS	123.296.230	21.315.000
9.	Trần Quang Du	Phó Tổng GD	211.686.229	0
10.	Mạc Thanh Hải	Phó Tổng GD	235.633.875	0
11.	Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng	110.279.250	0
12.	Nguyễn Thị Lệ Thu	Thư ký HĐQT	88.491.749	10.030.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.928.855.395</b>	<b>163.482.500</b>

*b, Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.*

*c, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có*

## **VI- BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo của Ban Giám đốc; Báo cáo kiểm toán ; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

### **1, Ý kiến của kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế

toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2, Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán ( đính kèm).**

Quý cổ đông quan tâm xem chi tiết Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang Website của Công ty theo đường link: <http://www.lilama45-3.com>

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**



*Bùi Quốc Vương*  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
*Bùi Quốc Vương*

C.T.C.P.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2016**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22
<i>Phụ lục số 01: Bảng tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i>	23
<i>Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	24
<i>Phụ lục số 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	25
<i>Phụ lục số 04: Bảng biến động vốn chủ sở hữu</i>	26

11/11/2010

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: lắp ráp thiết bị máy móc các công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, nhà máy lọc hóa dầu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình đường dây tải điện, trạm biến thế;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công xử lý nền móng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: trang trí nội ngoại thất công trình;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh phụ tùng cấu kiện kim loại cho xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa đưa vào đầu. Chi tiết: Kinh doanh hóa chất;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng, dầu mỏ, khí công nghiệp;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân. Chi tiết: Tư vấn đầu tư và lắp đặt các dây chuyền công nghệ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chế tạo kết cấu thép phi tiêu chuẩn;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại. Chi tiết: Sản xuất bình, bể, đường ống chịu áp lực;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị nâng và thang máy;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị và các dây chuyền công nghệ, phụ tùng, dụng cụ cơ khí;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Khảo sát địa hình công trình xây dựng; Khảo sát địa chất công trình xây dựng;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghiệp;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Hoạt động vui chơi giải trí;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết khách sạn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi

- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn góp thực tế tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp của Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	1.429.000	14.290.000.000	40,83 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.071.000	20.710.000.000	59,17 %
	<b>3.500.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100,00 %</b>

### CÁC SỰ KIỆN DIỄN RA TRONG NĂM CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 21/12/2016, Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 1699/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Quyết định này có hiệu lực thi hành 1 năm kể từ ngày 23/12/2016 đến ngày 22/12/2017.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Bùi Quốc Vương	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Hoàng Việt	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Phạm Văn Thìn	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Huỳnh Lê Hòa	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Vũ Quang Thế	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 15/04/2016
Ông Huỳnh Văn Thạch	Thành viên hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 15/04/2016

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	
Ông Huỳnh Lê Hòa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mạc Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quang Du	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Thìn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/07/2016
Ông Phạm Văn Thìn	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 13/07/2016
Ông Cù Thanh Nghị	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 13/07/2016

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm**

Bà Phạm Thị Bích Hà	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15/04/2016
Ông Phạm Xuân Đông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2016
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Mạnh Hương	Thành viên	

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2016 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 03 năm 2017

TM Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Văn Thìn



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 45.3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 45.3, được lập ngày 10/03/2017, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Lilama 45.3 tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**NGÔ QUANG TIẾN**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0448-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017



**LÊ NGỌC KHUÊ**

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 0665-2014-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>358.615.109.863</b>	<b>291.004.653.193</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.409.841.911</b>	<b>7.200.181.619</b>
1. Tiền	111	V.01	2.409.841.911	7.200.181.619
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>180.715.201.627</b>	<b>126.696.830.865</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	181.713.601.973	134.208.203.246
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.751.779.533	1.672.087.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.442.114.453	296.940.979
4. Phải thu theo tiến độ HDXD	134			-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	1.439.823.825	1.151.717.097
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10.632.118.157)	(10.632.118.157)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.05	<b>175.490.066.325</b>	<b>157.107.640.709</b>
1. Hàng tồn kho	141		175.490.066.325	157.107.640.709
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>60.911.217.677</b>	<b>55.462.479.016</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.662.050.000</b>	<b>989.450.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	1.662.050.000	989.450.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>27.993.327.709</b>	<b>25.617.538.332</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	15.773.051.419	18.118.962.338
- Nguyên giá	222		64.919.441.545	67.710.043.810
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(49.146.390.126)	(49.591.081.472)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	12.204.692.971	7.471.992.671
- Nguyên giá	225		14.672.996.963	8.672.996.963
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(2.468.303.992)	(1.201.004.292)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	15.583.319	26.583.323
- Nguyên giá	228		55.000.000	55.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(39.416.681)	(28.416.677)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>3.367.247.076</b>	<b>868.107.301</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.367.247.076	868.107.301
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.11	<b>25.600.000.000</b>	<b>25.600.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		25.600.000.000	25.600.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.288.592.892</b>	<b>2.387.383.383</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.288.592.892	2.387.383.383
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>419.526.327.540</b>	<b>346.467.132.209</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>343.196.131.490</b>	<b>270.489.513.246</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>338.712.784.551</b>	<b>267.214.708.826</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	50.885.867.152	25.398.662.718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		61.907.649.645	42.433.459.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.038.238.212	6.744.076.739
4. Phải trả người lao động	314		3.453.977.578	2.719.878.031
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.405.653.000	1.219.418.619
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	V.16	62.327.677.904	52.389.944.255
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	13.760.141.796	6.037.495.995
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	129.131.654.913	129.083.054.206
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		801.924.351	1.188.718.863
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.483.346.939</b>	<b>3.274.804.420</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	4.483.346.939	3.274.804.420
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>76.330.196.050</b>	<b>75.977.618.963</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>76.330.196.050</b>	<b>75.977.618.963</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.277.672.000	4.277.672.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.722.515.419	32.638.127.003
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.047.493.388	2.035.437.900
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.282.515.243	2.026.382.060
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.917.882.668	1.036.041.465
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		364.632.575	990.340.595
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>419.526.327.540</b>	<b>346.467.132.209</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thế Giang

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Phụ Tổng Giám đốc



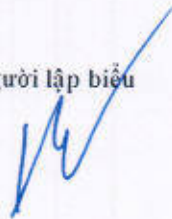
Phạm Văn Thìn

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	194.124.688.197	166.186.365.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		194.124.688.197	166.186.365.684
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	171.118.585.381	136.763.568.648
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.006.102.816	29.422.797.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	72.015.780	38.409.658
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	15.512.354.430	15.205.275.398
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.507.676.830	15.195.711.408
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	8.216.420.189	13.068.477.610
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(650.656.023)	1.187.453.686
11. Thu nhập khác	31		1.230.309.092	313.727.273
12. Chi phí khác	32		118.095.936	231.513.528
13. Lợi nhuận khác	40		1.112.213.156	82.213.745
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		461.557.133	1.269.667.431
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	96.924.558	279.326.836
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		364.632.575	990.340.595
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	99	280
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.08	99	280

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thế Giang

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị



Phó Tổng Giám đốc

Phạm Văn Thìn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	181.527.180.075	202.677.065.057
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(115.542.831.079)	(123.431.541.393)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(52.474.831.471)	(62.986.032.965)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.291.308.004)	(15.195.585.781)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(120.068.437)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	107.838.392	1.668.222.750
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.254.698.603)	(17.538.025.184)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(4.928.650.690)</b>	<b>(14.925.965.953)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(697.235.000)	(944.890.710)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	1.230.309.092	345.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.989.556	34.862.639
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>5.568.063.648</b>	<b>(564.928.071)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	140.775.049.216	180.511.509.021
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(141.917.235.470)	(174.780.523.975)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(4.287.790.520)	(2.962.849.163)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.429.976.774)</b>	<b>2.768.135.883</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.790.563.816)</b>	<b>(12.722.758.141)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.200.181.619	19.922.849.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	224.108	90.019
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2.409.841.911</b>	<b>7.200.181.619</b>

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Thế Giang

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị



Phạm Văn Thìn

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng 45.3. Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 340300084 ngày 15/05/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số đăng ký kinh doanh mới là 4400135344.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 4K, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**2. Ngành nghề kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trên cơ sở đánh giá mức độ tổn thất của Ban Tổng Giám đốc Công ty cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản cố định khác	04 - 06 năm

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

**b) Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:**

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

**6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thương hiệu Lilama, chi phí bảo hiểm.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.**

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo đúng qui định hiện hành.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập báo cáo tài chính số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.



**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0 %.

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

#### **13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

#### **14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

#### **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.**

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng			
<b>1 . Tiền</b>	31/12/2016		01/01/2016	
Tiền mặt tại quỹ	1.214.555		4.447.180	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.408.627.356		7.195.734.439	
<b>Cộng</b>	<b>2.409.841.911</b>		<b>7.200.181.619</b>	
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	31/12/2016		01/01/2016	
a) Phải thu khách hàng	181.713.601.973		134.208.203.246	
- Công ty CP Cao su Đà Nẵng	3.024.709.700		12.375.553.694	
- Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	34.565.396.292		34.565.396.292	
- Công ty CP tập đoàn Đức Long Gia Lai	21.656.329.000		-	
- Công ty CP xây dựng 47	17.660.310.600		5.506.819.291	
- Phải thu khách hàng khác	104.806.856.381		81.760.433.969	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	10.589.617.206		14.919.342.308	
- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- CTCP	10.016.331.833		13.345.966.527	
- Công ty CP Lilama 10	341.682.570		341.682.570	
- Công ty CP Lilama 45.1			800.090.408	
- Công ty CP Lilama 69.3	231.602.803		431.602.803	
<b>3 . Phải thu ngắn hạn khác</b>	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	821.668.206	-	550.066.453	-
+ Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	673.626.356	-	452.652.453	-
+ Khác	148.041.850	-	97.414.000	-
- Tạm ứng	598.155.619	315.963.096	581.650.644	315.963.096
- Dự nợ phải trả khác	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.439.823.825</b>	<b>315.963.096</b>	<b>1.151.717.097</b>	<b>315.963.096</b>
<b>4 . Nợ xấu</b>	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán	18.989.344.563	8.357.226.406	18.989.344.563	8.357.226.406
+ Công ty CP điện Bào Tân (Thị công Nhà máy thủy điện Đâm Bò) <sup>(1)</sup>	10.157.226.406	8.357.226.406	10.157.226.406	8.357.226.406
+ Công ty CP Năng lượng Mai Linh (Thị công NM thủy điện La Lơ- Quảng Trị) <sup>(2)</sup>	3.221.155.769	-	3.221.155.769	-
+ Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc (Thị công NM thủy điện Đrây H'Linh 3) <sup>(3)</sup>	5.294.999.292	-	5.294.999.292	-
+ Các khoản tạm ứng	315.963.096	-	315.963.096	-
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	4.838.442.223		4.838.442.223	
+ Công ty CP điện Bào Tân	4.530.239.203		4.530.239.203	
+ Công ty CP Năng lượng Mai Linh	308.203.020		308.203.020	

<sup>(1)</sup> Khoản phải thu của Công ty cổ phần điện Bảo Tân phát sinh theo hợp đồng thi công lắp đặt và cung cấp thiết bị cho nhà máy thủy điện Đambol đã ký kết thực hiện từ tháng 12/2010, thời hạn thanh toán được gia hạn đến tháng 02/2014. Tháng 12/2014 Công ty Bảo Tân đã thanh toán cho Công ty số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 24/12/2014 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt đã có quyết định số 18/QĐ-CCTHA về việc thu tiền từ hoạt động kinh doanh của người thi hành án. Thời gian thực hiện từ tháng 01/2015 đến khi Công ty cổ phần điện Bảo Tân thi hành án xong. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với số tiền 1.800.000.000 đồng.

<sup>(2)</sup> Khoản phải thu của Công ty cổ phần Năng lượng Mai Linh phát sinh theo các hợp đồng xây dựng, chế tạo và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công đường ống áp lực...ký từ ngày 25/03/2010, thời hạn thanh toán được gia hạn đến tháng 6/2014. Theo Bản án số 03/2014/KDTM-ST ngày 15/09/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị thì Công ty Mai Linh phải trả nợ cho Công ty nhưng đến thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty Mai Linh chưa thanh toán khoản công nợ trên cho Công ty. Công ty đã trích lập dự phòng 100% với số tiền 3.221.155.769 đồng.

<sup>(3)</sup> Khoản phải thu của Công ty TNHH Xây lắp điện Hưng Phúc đã được Công ty đệ đơn ra tòa án. Hiện tại, Tòa án đang tiến hành thụ lý vụ việc theo quy định của pháp luật. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 100% đối với khoản phải thu khó đòi này.

5 . Hàng tồn kho	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	264.687.102	-	285.474.068	-
Công cụ, dụng cụ	459.650.258	-	408.343.759	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	174.765.728.965	-	156.413.822.882	-
<b>Cộng</b>	<b>175.490.066.325</b>	<b>-</b>	<b>157.107.640.709</b>	<b>-</b>

6 . Phải thu dài hạn khác	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.662.050.000	-	989.450.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.662.050.000</b>	<b>-</b>	<b>989.450.000</b>	<b>-</b>

#### 7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Xem chi tiết tại phụ lục 01 của Báo cáo này

#### 8 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.989.498.782	3.683.498.181	8.672.996.963
Số tăng trong kỳ	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Thuế tài chính trong kỳ	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.989.498.782	3.683.498.181	14.672.996.963
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	415.791.570	785.212.722	1.201.004.292
Số tăng trong kỳ	898.949.884	368.349.816	1.267.299.700
- Khấu hao trong kỳ	898.949.884	368.349.816	1.267.299.700
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	1.314.741.454	1.153.562.538	2.468.303.992
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.573.707.212	2.898.285.459	7.471.992.671
Tại ngày cuối kỳ	9.674.757.328	2.529.935.643	12.204.692.971

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Phân mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	55.000.000	55.000.000
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	55.000.000	55.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	28.416.677	28.416.677
Số tăng trong kỳ	11.000.004	11.000.004
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	11.000.004	11.000.004
Số giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	39.416.681	39.416.681
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	26.583.323	26.583.323
Tại ngày cuối kỳ	15.583.319	15.583.319

10 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
a/ Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
b/ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.367.247.076	868.107.301
- Dự án kho bãi dịch vụ kỹ thuật Dung Quất- Giai đoạn 1	42.746.411	42.746.411
- Dự án kho bãi dịch vụ kỹ thuật Dung Quất- Giai đoạn 2	2.413.386.361	825.360.890
- Chế tạo cấu trúc 25 tấn	911.114.304	-
	<b>3.367.247.076</b>	<b>868.107.301</b>

11 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	25.600.000.000	-	25.600.000.000	25.600.000.000	-	25.600.000.000
+ Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn <sup>(*)</sup>	25.600.000.000	-	25.600.000.000	25.600.000.000	-	25.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>25.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.600.000.000</b>

(\*) Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn đầu tư dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 5 công suất 28MW trên sông Côn, xã Vĩnh Kim, huyện Vĩnh Thạch, tỉnh Bình Định. Tổng số vốn góp tại ngày 31/12/2016 là 25.600.000.000 đồng và 512.000.000 đồng cổ tức bằng cổ phần tương đương với 2.611.200 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn. Ngày 27/06/2016 Công ty đã ký hợp đồng số 03/2016/HĐCNCP-VSI với Công ty CP Thủy điện Chu Va về việc chuyển nhượng toàn bộ 2.611.200 cổ phần Công ty đang đầu tư vào Công ty CP đầu tư Vĩnh Sơn cho Công ty CP Thủy điện Chu Va. Việc chuyển nhượng sẽ hoàn tất khi Công ty CP Thủy điện Chu Va thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP Lilama 45.3 chậm nhất đến ngày 01/07/2017. Trong năm Công ty đã được Công ty CP Thủy điện Chu Va tạm ứng 5.000.000.000 đồng tiền mua cổ phần.

Theo qui định tại TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31.12.2016 cần được trình bày. Tuy nhiên Công ty đang trình bày giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính vào đơn vị khác theo giá gốc do các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hơn/lý của các khoản đầu tư tài chính.

Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

Không có

12 . Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2016	01/01/2016
- Thương hiệu Lilama	-	20.750.000
- Chi phí bảo hiểm tài sản cố định thuê tài chính	175.374.891	196.301.382
- Chi phí thuê đất tại Dung Quất và văn phòng công ty	2.113.218.001	2.170.332.001
<b>Cộng</b>	<b>2.288.592.892</b>	<b>2.387.383.383</b>

13 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	50.885.867.152	50.885.867.152	25.398.662.718	25.398.662.718
- Công ty TNHH TM&DVKT điện CN Tuấn Huy	4.291.054.604	4.291.054.604	5.519.726.502	5.519.726.502
- Công ty CP SX & TM Hoàng Đạt	3.616.965.740	3.616.965.740	-	-
- Công ty TNHH Thép IPC Sài Gòn	13.369.178.432	13.369.178.432	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	29.608.668.376	29.608.668.376	19.878.936.216	19.878.936.216
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	2.990.945.874	2.990.945.874	4.520.881.493	4.520.881.493
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- CTCP	523.292.000	523.292.000	351.725.000	351.725.000
- Công ty cổ phần Lilama 7	2.467.653.874	2.467.653.874	4.169.156.493	4.169.156.493

14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	(01/01/2016)			(31/12/2016)
Thuế giá trị gia tăng	4.915.929.982	9.318.477.019	4.881.575.345	9.352.831.656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	279.326.838	96.924.558	-	376.251.396
Thuế thu nhập cá nhân	635.303.666	1.459.410.760	-	2.094.714.426
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	325.017.000	352.990.281	56.065.800	621.941.481
Các loại thuế khác	-	4.000.000	-	4.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	588.499.253	22.196.636	22.196.636	588.499.253
<b>Cộng</b>	<b>6.744.076.739</b>	<b>11.253.999.254</b>	<b>4.959.837.781</b>	<b>13.038.238.212</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
+ Trích trước chi phí mua công cụ dụng cụ	-	19.250.000
+ Trích trước chi phí nhà máy thủy điện Hòa Phú	-	1.200.168.619
+ Trích trước chi phí Nhà máy thủy điện Trung Sơn	1.438.389.500	-
+ Trích trước chi phí Nhà máy thủy điện Trung Thu	382.684.500	-
+ Trích trước chi phí Nhà máy thủy điện Đăk Pô Cô	1.500.000.000	-
+ Tiền thù lao HĐQT, BKS	84.579.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.405.653.000</b>	<b>1.219.418.619</b>

16 . Phải trả nội bộ ngắn hạn	31/12/2016	01/01/2016
- Phải trả Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP về tiền vay	26.988.939.175	27.264.420.595
- Phải trả các đội công trình	35.338.738.729	25.125.523.660
<b>Cộng</b>	<b>62.327.677.904</b>	<b>52.389.944.255</b>

	31/12/2016	01/01/2016
<b>17 . Phải trả ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	562.040.153	224.931.673
- Bảo hiểm xã hội	7.124.708.089	1.797.713.152
- Bảo hiểm y tế	1.249.231.611	107.149.945
- Bảo hiểm thất nghiệp	228.080.265	41.387.316
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.596.081.678	3.866.313.909
+ <i>Cố tức phải trả</i>	147.218.995	147.218.995
+ <i>Phải trả lãi vay Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP</i>	216.368.826	-
+ <i>Phải trả phải nộp khác</i>	4.232.493.857	3.719.094.914
<b>Cộng</b>	<b>13.760.141.796</b>	<b>6.037.495.995</b>
<b>18 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn</b>		
Xem chi tiết tại phụ lục 02 của Báo cáo này		
<b>19 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>		
Xem chi tiết tại phụ lục 03 của Báo cáo này		
<b>20 . Vốn chủ sở hữu</b>		
<b>20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b>		
Xem phụ lục số 04 của Báo cáo này		
<b>20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	31/12/2016	01/01/2016
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam- CTCP	14.290.000.000	17.850.000.000
Các cổ đông khác	20.710.000.000	17.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
<b>20.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.</b>	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>20.4. Cổ phiếu</b>	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>20.5. Các quỹ của doanh nghiệp:</b>	31/12/2016	01/01/2016
- Quỹ đầu tư phát triển	32.722.515.419	32.638.127.003
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.047.493.388	2.035.437.900
<b>21 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán</b>	31/12/2016	01/01/2016
- Ngoại tệ các loại		
+ USD	150,27	128,92

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

		Đơn vị tính: Đồng	
		Năm nay	Năm trước
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	<b>a) Doanh thu</b>		
	- Doanh thu hoạt động xây lắp	194.124.688.197	166.186.365.684
	<b>Cộng</b>	<b>194.124.688.197</b>	<b>166.186.365.684</b>
	<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan trong kỳ</b>		
	- Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- CTCP	29.113.625.221	64.257.473.289
	+ Công trình Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn	27.244.307.777	61.925.390.419
	+ Công trình Nhiệt điện Thái Bình	1.869.317.444	-
	+ Công trình Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1	-	2.332.082.870
	- Công ty Cổ phần Lilama 7	185.380.000	253.941.202
	- Công ty Cổ phần Lilama 18	1.257.000.098	640.040.484
<b>2</b>	<b>Giá vốn hàng bán</b>		
	- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	171.118.585.381	136.763.568.648
	<b>Cộng</b>	<b>171.118.585.381</b>	<b>136.763.568.648</b>
<b>3</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.989.556	34.862.639
	- Lãi chênh lệch tỷ giá	37.026.224	3.547.019
	<b>Cộng</b>	<b>72.015.780</b>	<b>38.409.658</b>
<b>4</b>	<b>Chi phí tài chính</b>		
	- Lãi tiền vay	15.507.676.830	15.195.711.408
	- Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.677.600	9.563.990
	<b>Cộng</b>	<b>15.512.354.430</b>	<b>15.205.275.398</b>
<b>5</b>	<b>Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>8.216.420.189</b>	<b>13.068.477.610</b>
	a1) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	8.216.420.189	13.068.477.610
	- Tiền lương bộ phận quản lý	5.696.687.105	5.983.717.872
	- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	4.054.809.038
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.519.733.084	3.029.950.700
	a2) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
	<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



	Năm nay	Năm trước
<b>6 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
a. Lợi nhuận trước thuế	461.557.133	1.269.667.431
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	23.065.656	-
b.1. Tiền phạt thuế	23.065.656	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	484.622.789	1.269.667.431
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>e. Thuế TNDN phải nộp (c*d)</b>	<b>96.924.558</b>	<b>279.326.836</b>
<b>7 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.167.183.890	60.283.608.088
Chi phí nhân công	86.915.779.839	76.198.724.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.015.680.623	4.697.711.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	7.209.176.502	24.465.170.495
Chi phí khác bằng tiền	7.379.090.799	11.270.392.049
<b>Cộng</b>	<b>197.686.911.653</b>	<b>176.915.606.692</b>
<b>8 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
a/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	364.632.575	990.340.595
b/ Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) LN kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
c/ Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (=a+b)	364.632.575	990.340.595
d/ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (thực tế/tạm tính) trong kỳ (*)	18.231.629	12.055.488
e/ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
f/ Lãi cơ bản trên cổ phiếu {(c-d)/e}	99	280
g/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu {(c-d)/e}	99	280

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi cơ bản trên cổ phiếu

(\*) (thực tế/tạm tính) theo công thức:

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 nhân với lợi nhuận sau thuế năm 2015 trước kiểm toán Nhà Nước.

- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi tạm tính cho năm 2016 được xác định bằng tỷ lệ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2015 nhân với lợi nhuận sau thuế năm 2016.

## VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Những sự kiện phát sinh trong kỳ kế toán

Ngày 21/12/2016, Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 1699/QĐ-CT về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Quyết định này có hiệu lực thi hành 1 năm kể từ ngày 23/12/2016 đến ngày 22/12/2017.

**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3 . Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP	Cổ đông lớn	Lãi đi vay vốn	2.572.041.426
			Chi phí mua nguyên liệu vật liệu, công cụ dụng cụ, thuê cầu	1.130.537.181

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
1	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam-CTCP	Cổ đông lớn	Người mua trả tiền trước	(7.140.325.155)
2	Công ty Cổ phần Lilama 18	Đơn vị trong cùng Tổng	Người mua trả tiền trước	(1.908.511.005)
3	Công ty Cổ phần Lilama 45.1	Đơn vị trong cùng Tổng	Người mua trả tiền trước	(3.124.010.603)

Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký hội đồng quản trị trong năm 2016

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1	Bùi Quốc Vương	Chủ tịch HĐQT	295.236.437	-
2	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	283.486.437	28.200.000
3	Huỳnh Lê Hòa	Thành viên HĐQT	211.686.229	28.200.000
4	Phạm Văn Thìn	Thành viên HĐQT	211.105.001	28.200.000
5	Huỳnh Văn Thạch	Thành viên HĐQT	-	20.150.000
6	Nguyễn Thị Lệ Thu	Thư ký HĐQT	88.491.749	10.030.000
7	Phạm Thị Bích Hà	Trưởng ban KS	157.953.958	4.150.000
8	Nguyễn Mạnh Hương	Thành Viên BKS	-	23.237.500
9	Trần Ngọc Dũng	Thành Viên BKS	123.296.230	21.315.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.371.256.041</b>	<b>163.482.500</b>

**4 . Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp được hoạt động trên các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

**5 . Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy theo Thông báo kết quả kiểm toán số 109/TB-KTNN tại Công ty Cổ phần Lilama 45.3 của Kiểm toán Nhà nước ngày 19/01/2017.

Người lập biểu



Nguyễn Thế Giang

Kế toán trưởng



Cù Thanh Nghị

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Phó Tổng Giám đốc



Phạm Văn Thìn

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Tỉnh Quảng Ngãi

**Phụ lục số 01: Tàng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đồng								
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng		
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>								
Số dư đầu năm	18.650.357.640	40.016.200.807	6.851.323.269	1.737.162.094	455.000.000	67.710.043.810		
Số tăng trong kỳ	-	1.391.470.000	-	-	-	1.391.470.000		
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	1.391.470.000	-	-	-	1.391.470.000		
Số giảm trong kỳ	-	4.090.897.465	91.174.800	-	-	4.182.072.265		
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	4.090.897.465	91.174.800	-	-	4.182.072.265		
Số dư cuối kỳ	18.650.357.640	37.316.773.342	6.760.148.469	1.737.162.094	455.000.000	64.919.441.545		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
Số dư đầu năm	7.296.347.191	34.430.033.590	6.081.032.419	1.689.368.303	94.299.969	49.591.081.472		
Số tăng trong kỳ	844.285.836	2.307.214.969	472.324.845	22.555.297	90.999.972	3.737.380.919		
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	844.285.836	2.307.214.969	472.324.845	22.555.297	90.999.972	3.737.380.919		
Số giảm trong kỳ	-	4.090.897.465	91.174.800	-	-	4.182.072.265		
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	4.090.897.465	91.174.800	-	-	4.182.072.265		
Số dư cuối kỳ	8.140.633.027	32.646.351.094	6.462.182.464	1.711.923.600	185.299.941	49.146.390.126		
<b>Giá trị còn lại</b>								
Tại ngày đầu năm	11.354.010.449	5.586.167.217	770.290.850	47.793.791	360.700.031	18.118.962.338		
Tại ngày cuối kỳ	10.509.724.613	4.670.422.248	297.966.005	25.238.494	269.700.059	15.773.051.419		

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2016 đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay: 3.383.845.589 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2016 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 20.871.270.339 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi  
Tỉnh Quảng Ngãi**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ (31/12/2016)		Trong kỳ		Đầu kỳ (01/01/2016)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>126.041.671.582</b>	<b>126.041.671.582</b>	<b>140.775.049.216</b>	<b>141.917.235.470</b>	<b>127.183.857.836</b>	<b>127.183.857.836</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ngãi	72.041.671.562	72.041.671.562	86.340.925.188	87.491.430.261	73.192.176.635	73.192.176.635
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh Đà Nẵng	54.000.000.020	54.000.000.020	54.434.124.028	54.425.805.209	53.991.681.201	53.991.681.201
<b>b) Các khoản nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>3.089.983.331</b>	<b>3.089.983.331</b>	<b>3.797.077.481</b>	<b>2.606.290.520</b>	<b>1.899.196.370</b>	<b>1.899.196.370</b>
- Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam (*)	3.089.983.331	3.089.983.331	3.797.077.481	2.606.290.520	1.899.196.370	1.899.196.370
<b>Cộng</b>	<b>129.131.654.913</b>	<b>129.131.654.913</b>	<b>144.572.126.697</b>	<b>144.523.525.990</b>	<b>129.083.054.206</b>	<b>129.083.054.206</b>

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:**

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2016	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Ngãi	01/2016/711798/HDTD	7/18/2016	80.000.000.000	12 tháng	Theo thông báo của ngân hàng	72.041.671.562	Vay bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn- Chi nhánh Đà Nẵng	02/2016/HĐTD	12/2/2016	54.000.000.000	12 tháng	Theo thông báo của ngân hàng	54.000.000.020	Vay bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo
<b>Cộng</b>						<b>126.041.671.582</b>		

(\*) Xem chi tiết tại Phụ lục 03 của Báo cáo này

**c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

	Cuối kỳ (31/12/2016)		Đầu kỳ (01/01/2016)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay	-	-	-	-
- Nợ thuê tài chính	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**

Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi  
Tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**Phụ lục số 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Cuối kỳ (31/12/2016)		Trong kỳ		Đầu kỳ (01/01/2016)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
b) Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	4.483.346.939	4.483.346.939	6.687.120.000	5.478.577.481	3.274.804.420	3.274.804.420
- Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam (*)	4.483.346.939	4.483.346.939	6.687.120.000	5.478.577.481	3.274.804.420	3.274.804.420
<b>Cộng</b>	<b>4.483.346.939</b>	<b>4.483.346.939</b>	<b>6.687.120.000</b>	<b>5.478.577.481</b>	<b>3.274.804.420</b>	<b>3.274.804.420</b>

(\*) Bao gồm:

Số hợp đồng thuê TC	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dự nợ gốc vay dài hạn tại 31/12/2016	Nợ dài hạn đến hạn trả	Tài sản đảm bảo
2013-00141-001	1/14/2013	48 tháng	10,77%/năm	-	434.835.405	Xe tải gắn cầu Dongfeng
2013-00117-001	9/17/2013	48 tháng	11%/năm	-	413.116.228	Xe ô tô đầu kéo và Romooc
2015-00021-001	2/9/2015	48 tháng	9,13%/năm	1.331.440.952	1.095.411.835	Cần trục bánh lốp SANY 50 tấn.
2016-00030-001	3/30/2016	48 tháng	9,02%/năm	3.151.905.987	1.146.619.863	Cần trục bánh lốp Liebherr LTM 1080N 80 tấn.
<b>Cộng</b>				<b>4.483.346.939</b>	<b>3.089.983.331</b>	

**b) Các khoản nợ thuê tài chính**

Thời hạn	Cuối kỳ (31/12/2016)			Đầu kỳ (01/01/2016)		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	3.670.387.312	580.403.981	3.089.983.331	2.324.248.013	425.051.643	1.899.196.370
Trên 1 năm đến 5 năm	4.931.637.116	448.290.177	4.483.346.939	3.561.539.939	286.735.519	3.274.804.420
Trên 5 năm						

**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**Đ/c: Lô 4K - Đường Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi  
Tỉnh Quảng Ngãi**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	LNST chưa phân phối và quỹ khác	Đơn vị tính: đồng
						Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000	4.277.672.000	-	-	35.727.355.900	75.005.027.900
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	990.340.595	990.340.595
Trích các quỹ	-	-	-	-	159.745.790	159.745.790
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	177.495.322	177.495.322
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>4.277.672.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.699.946.963</b>	<b>75.977.618.963</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	364.632.575	364.632.575
Trích các quỹ	-	-	-	-	96.443.904	96.443.904
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	108.499.392	108.499.392
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>4.277.672.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>37.052.524.050</b>	<b>76.330.196.050</b>

(\*) Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 15/4/2016, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	84.388.416
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	12.055.488
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	12.055.488
<b>Cộng</b>	<b>108.499.392</b>





LILAMA 45-3

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM (LILAMA COR)  
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3 (LILAMA 45.3, JSC)  
Địa chỉ: Lô 4k' - Tôn Đức Thắng - TP Quảng Ngãi.  
Tel: 055.710320; Fax: 055.710313;  
Email: lilama45-3@vnn.vn; Website: www.lilama45-3.com



ISO 9001:2008

Số: 76/TCKT/LILAMA 45.3

## GIẤY ỦY QUYỀN

*"V/v ký Báo cáo tài chính năm 2016 đã soát xét"*

Căn cứ quyết định số 479/QĐ-BXD, ngày 24/03/2006 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc "chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước Công ty lắp máy và Xây dựng 45-3 thành Công ty cổ phần Lilama 45.3".

Căn cứ vào Điều lệ Công ty cổ phần Lilama 45.3

**Tổng giám đốc Công ty cổ phần Lilama 45.3 ủy quyền cho:**

Người được ủy quyền: Phạm Văn Thìn

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Nội dung và phạm vi ủy quyền: Ký Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 đã soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ký.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

*(ký, ghi rõ họ tên)*

*Phạm Văn Thìn*

Ngày 08 tháng 03 năm 2017  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hoàng Việt*